



**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HALA  
VIỆT NAM**





# THƯ NGỎ

## **Kính gửi: Quý khách hàng!**

Lời đầu tiên Công ty Cổ phần Hala Việt Nam (HALA) xin gửi tới Quý khách hàng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới những quý khách hàng đã, đang và sẽ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty chúng tôi.

HALA là một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp thép xây dựng, thép hình, thép tấm, ống thép cùng các phụ kiện đi kèm khác. HALA hiện đang là đại lý thép xây dựng cấp 1 của nhà máy thép Việt Mỹ (VAS) cùng với các hãng thép khác và là nhà phân phối lớn về xi măng Thành Thắng và các hãng xi măng khác. Phạm vi cung cấp của Công ty chúng tôi trên toàn quốc.

Thời gian qua HALA đã cung cấp thép xây dựng, xi măng cho nhiều dự án lớn, ví dụ như: *Dự án đầu tư xây dựng doanh trại sư đoàn 312, Cao tốc Bãi Vọt – Hàm Nghi, ĐTXD Nút giao Phú Thứ, Sân bay Long Thành, Cao tốc Quảng Ngãi Hoài Nhơn, Cao tốc Đồng Đăng Trà Lĩnh, Đường Vành đai 3, Cao Tốc Khánh Hòa - Buôn Mê Thuật, Cao tốc Vân Phong Nha Trang, Trường Sĩ quan Chính trị Thạch Thất, ... và rất nhiều công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp khác...vv*

Chúng tôi cam kết sẽ phục vụ Quý khách hàng với chất lượng sản phẩm dịch vụ hoàn hảo nhất, giá cạnh tranh nhất, tiến độ nhanh nhất, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng bằng đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, sẽ làm hài lòng khách hàng.

HALA luôn là nhà cung cấp vật liệu xây dựng tin cậy và đồng hành cùng Quý khách hàng trong mọi công trình xây dựng!

HALA xin trân trọng cảm ơn!

**CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM**

**Tổng Giám Đốc**

**Bùi Xuân Hải**

# GIỚI THIỆU CHUNG

## SỨ MỆNH

**Công ty Cổ phần Hala Việt Nam** mong muốn được đem đến cho khách hàng các sản phẩm chất lượng và giá thành tốt nhất trên thị trường. Đảm bảo tính bền vững và thật sự hiệu quả cho công trình. Tạo tiền đề cho sự phát triển, đáp ứng những mong mỏi của khách hàng. Đồng thời mong muốn tạo môi trường doanh nghiệp thân thiện, vững mạnh, thượng tôn pháp luật, đem lại nhiều lợi ích cho xã hội. Tạo mọi điều kiện phát triển lâu dài tốt nhất cho tập thể cán bộ công nhân viên.

## TÂM NHÌN

**Công ty Cổ phần Hala Việt Nam** phấn đấu trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp trong lĩnh vực cung cấp vật liệu xây dựng. Sự phát triển của công ty luôn gắn liền với sự phát triển xã hội, lợi ích cộng đồng, xu thế phát triển của thế giới và bản sắc văn hóa Việt Nam.

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

- Là nhà phân phối tin cậy, cung cấp các loại vật liệu xây dựng cho khách hàng
- Ngày càng đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng
- Phát triển các thương hiệu VLXD của các Nhà sản xuất trong nước
- Phấn đấu trở thành doanh nghiệp có vị thế hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh VLXD

## VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

**Công ty Cổ phần Hala Việt Nam** luôn khuyến khích CBCNV phát triển công việc, đem lại những sáng kiến mới, cách xử lý công việc hiệu quả nhanh chóng, đóng góp cho sự phát triển công ty. Từ đó hình thành lối văn hóa doanh nghiệp bền vững, hiệu quả, đoàn kết, cùng phát triển.

# SẢN PHẨM CUNG CẤP

## THÉP XÂY DỰNG

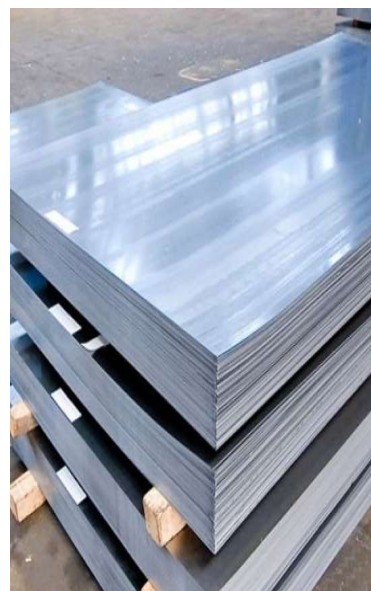
Tiêu chuẩn	Đường kính danh nghĩa	Tiết diện ngang (mm) <sup>2</sup>	Đơn trọng (kg/m)		Tiêu chuẩn	Đường kính danh nghĩa	Tiết diện ngang (mm) <sup>2</sup>	Đơn trọng (kg/m)		
TCVN 1651-1:2008	D6	28,3	0,222	± 8	ASTM A615 /A615M-20	D10	71	0,560	± 6	
	D8	50,3	0,395			D13	129	0,994		
TCVN 1651-2:2018	D10	78,5	0,617	± 6		D16	199	1,552		
	D12	113	0,888			D19	284	1,235		
	D14	154	1,210			D22	387	3,042		
	D16	201	1,580	± 5		D25	510	3,973		
	D18	254,5	2,000			D29	645	5,060		
	D20	314	2,470			D32	819	6,404		
	D22	380	2,980			BS 4449:1997	D6	28,3		0,222
	D25	491	3,850	D8			50,3	0,395		± 6,5
	D28	616	4,83	D10	78,5		0,616			
	D32	804	6,310	D12	113,1		0,888	± 4,5		
D36	1018	7,99	D16	201,1	1,579					
JIS G 3112-2010	D10	71,33	0,560	± 6	D20	314,2	2,466			
	D13	126,7	0,995		D25	490,9	3,854			
	D16	198,6	1,56	± 5	D32	804,2	6,313			
	D19	286,5	2,25							
	D22	387,1	3,04							
	D25	506,7	3,98							
	D29	642,4	5,04	± 4						
	D32	794,2	6,23							



# SẢN PHẨM CUNG CẤP

## THÉP TẤM

Tiêu chuẩn	TCVN ( Việt Nam)   JIS ( Nhật Bản)   ASTM ( Hoa Kỳ)   GB ( Trung Quốc)
Mác thép	SS400   A36   CT3   Q235   Q345   Q355   A572   A709   GR50   SPHC
Xuất xứ	Trong nước : Formosa ; Hòa Phát Nhập khẩu : Trung Quốc ; Hàn Quốc ; Nhật ; Ấn Độ
Kích thước	Thông dụng: 1.5*6m, 2*6m, 2x12m, 1x2m, 1.25x2.5m Gia công theo bảng vẽ , quy cách
Ứng dụng	Cuốn ống ; gia công nhà xưởng, cơ khí, dầu khí ; đóng tàu, đóng container, sà lan; sản xuất thép ống, hộp, xà gồ



## THÉP HÌNH I | U | H | V

Tiêu chuẩn	TCVN ( Việt Nam)   JIS ( Nhật Bản)   ASTM ( Hoa Kỳ)   GB ( Trung Quốc)
Mác thép	SS400   A36   CT3   Q235   S235
Xuất xứ	Trong nước : POSCO, An Khánh, Đại Việt, VIC, nhà Bè Nhập khẩu : Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản
Kích thước	Thông dụng: 6m, 12m
Ứng dụng	Nhà xưởng, thùng xe, dầm cầu trục, làm cầu tạm; ngành điện



# SẢN PHẨM CUNG CẤP

## THÉP ỐNG | THÉP HỘP

Thép ống bao gồm các loại thép ống tròn, thép ống đúc, ống thép hàn lồi và ống thép hàn xoắn, ống tôn mạ kẽm, ống mạ kẽm nhúng nóng.

Thép hộp bao gồm các loại thép hộp đen và thép hộp mạ kẽm.

Tiêu chuẩn	TCVN ( Việt Nam)   JIS ( Nhật Bản)   ASTM ( Hoa Kỳ)
Mác thép	SS400   SAE 1006   A500   Grade A   Grade B
Xuất xứ	Trong nước: Hoà Phát, Sao Việt, Nhật Quang, Visa, Vinaone, Việt Long, Ống 190, SeAH, Việt Đức, Minh Phú, Hoa Sen Nhập khẩu: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản
Công dụng	Nhà xưởng, giàn giáo, cọc siêu âm, đèn chiếu sáng, cơ khí
Kích thước	Thông dụng: 6m, 12m Theo bảng vẽ thi công



## CÁC SẢN PHẨM KHÁC:

- Các sản phẩm khác như lưới thép, thép đường ray, cọc cừ larsen
- Gia công cơ khí phục vụ thi công hạng mục cọc khoan nhồi như cóc nối, cữ định vị theo bản vẽ của từng dự án
- Xi măng bao PCB30, PCB40, xi măng rời



# DỰ ÁN TIÊU BIỂU



**Sân bay Long Thành**



**Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột**



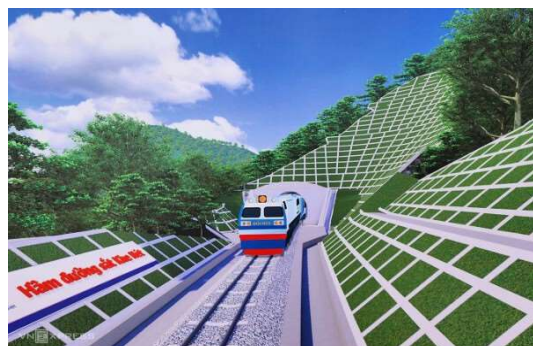
**Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang**



**Cao tốc Vân Phong - Nha Trang**



**Nhà máy điện rác Seraphin**



**Cải tạo đường sắt Đèo Khe Nét**



**Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh**



**ĐTXD Trung đoàn bộ binh 165**



# DỰ ÁN TIÊU BIỂU



**Cầu Văn Ly**



**Cảng Long Bình**



**ĐTXD Trung đoàn 209**



**Cầu sông Nhuệ**



**Cao tốc Bãi Vọt – Hàm Nghi**



**Nút giao Phú Thứ**



**Cầu Đen – Cầu Sến**



**Trường sĩ quan chính trị**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH THÁI NGUYÊN  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 4601571781**

*Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 03 năm 2021*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 29 tháng 08 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM HALA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HALA VIỆT NAM

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Lô CN03, Cụm Công Nghiệp số 3, Phường Thuận Thành, Thành phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Điện thoại: 0968521285

Email:

Fax:

Website:

**3. Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.200.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: BUI XUÂN HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/10/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038070003344

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 3, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 3, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG**



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

*Vũ Hà*

**CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ  
CẦU LỚN - HÀM**

Số: 554 BRITEC-TVGS

V/v chấp thuận bổ sung nguồn vật liệu thép  
tròn; gói thầu XL-CĐ-02, Dự án nâng cấp tuyến  
vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2024.

Kính gửi: - Ban Quản lý dự án Đường sắt;  
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạ Phương.

Thực hiện Hợp đồng Tư vấn số TV-CĐ-08 ngày 26/06/2023 giữa Ban quản lý dự án Đường sắt và Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Cầu lớn - Hàm – Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Hà Nội thực hiện gói thầu TV-CĐ-08: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-CĐ-02 thuộc Dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (Cầu đường sắt Đuống).

Trên cơ sở văn bản số 24.06.07-01/BRITEC.TVGS.CĐ ngày 07/6/2024 của văn phòng TVGS hiện trường Britec về việc chấp thuận bổ sung nguồn vật liệu thép tròn; gói thầu XL-CĐ-02, Dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống); nguồn vật liệu thép tròn do Nhà thầu đệ trình là đủ điều kiện chấp thuận.

(Chi tiết như công văn số 24.06.07-01/BRITEC.TVGS.CĐ của văn phòng TVGS hiện trường).

Kính đề nghị Quý Ban xem xét, chấp thuận làm cơ sở triển khai bước tiếp theo.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Cty CTEC (ph/h);
- Lưu P.TVGS.



**Nguyễn Hồng Nhật**

Số: 24.06.07-01/BRITEC.TVGS.CĐ  
V/v: Chấp thuận bổ sung nguồn vật liệu thép tròn sử dụng cho gói thầu; gói thầu XL-CD-02, Dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống).

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: - Giám đốc điều hành dự án.

Phúc đáp công văn số 220/ĐP-CD ngày 06/6/2024 của Liên danh Đạt Phương – Cầu 14 – Nam Anh về việc đề nghị chấp thuận bổ sung nguồn vật liệu thép tròn sử dụng cho gói thầu (đính kèm báo cáo kết quả thí nghiệm của các loại vật liệu, hồ sơ năng lực của đơn vị cung cấp); gói thầu XL-CD-02, dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống). Sau khi xem xét công văn và các tài liệu đính kèm và kết quả thí nghiệm vật liệu, đối chiếu với chỉ dẫn kỹ thuật và các quy định hiện hành. Văn phòng TVGS hiện trường BRITEC có ý kiến như sau:

**1. Nguồn vật liệu được Nhà thầu đề xuất:**

STT	Tên vật liệu	Nguồn gốc	Nhà cung cấp	Đánh giá của TVGS
1	Thép tròn	Thép Việt Mỹ	- Công ty Cổ phần Hala Việt Nam	Đạt yêu cầu
		Thép Hòa Phát	- Công ty Cổ phần Hala Việt Nam	Đạt yêu cầu

Theo hồ sơ sản phẩm đính kèm trong hồ sơ năng lực và kết quả thí nghiệm, sản phẩm được đề xuất TVGS đánh giá đáp ứng được yêu cầu trong Quy định và chỉ dẫn kỹ thuật.

**2. Công tác kiểm soát chất lượng vật liệu:**

- Nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ các quy định trong Quy định và chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đối với công tác kiểm tra, lấy mẫu, thí nghiệm và quản lý chất lượng vật liệu, tuân thủ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và các tiêu chuẩn hiện hành;

- Trên cơ sở nguồn vật liệu được chấp thuận, Nhà thầu sẽ phối hợp với các đơn vị kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu.

**3. Kết luận:**

- Nguồn vật liệu thép tròn do Nhà thầu đề trình có chất lượng đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của Dự án;

- Nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ các yêu cầu quản lý chất lượng đối với nguồn vật liệu đề xuất, chủ động triển khai các bước tiếp theo để đảm bảo tiến độ Dự án;

Trên đây là ý kiến của Văn phòng TVGS hiện trường BRITEC về việc chấp thuận bổ sung nguồn vật liệu thép tròn cho gói thầu XL-CD-02, kính đề nghị Giám đốc điều hành dự án xem xét./.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Britec (b/c);
- VP.TVGS.CTEC (ph/h);
- Lưu VP.TVGS.BRITEC.

**VĂN PHÒNG TƯ VẤN GIÁM SÁT  
TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG**



**Thân Quốc Hưng**

**HỒ SƠ NĂNG LỰC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM**

**MỘT SỐ HỢP ĐỒNG MUA BÁN  
VỚI KHÁCH HÀNG**



**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**  
Số: 1212/2023/HDNT/VCG-HL

**V/v: Cung cấp thép xây dựng các chủng loại**

*Giữa*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

*Và*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM**

**HÀ NỘI, 2023**

## PHẦN 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Dân sự được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/6/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/6/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ vào Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ thông tư 27/2009/TT-BXD ngày 31/07/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/07/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCNVN khóa XIII thông qua ngày 24/11/2015, hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ năng lực và nhu cầu của hai bên.

## PHẦN 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

### 1. BÊN A : TỔNG CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Tới  
Chức vụ : Phó tổng Giám đốc  
Địa chỉ : Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại : 024 62849 234  
Tài khoản : 4501 000 505 9177  
Mở tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Đông  
Mã số thuế : 0100105616

### 2. BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM

Đại diện : Ông Bùi Xuân Hải  
Chức vụ : Tổng Giám Đốc  
Địa chỉ : Lô CN03, Cụm công nghiệp số 3, Phường Thuận Thành, Thành phố Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên  
Điện thoại : 0914.756.886  
Tài khoản : 118 604 262 999  
Mở tại : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh  
(Tài khoản này là duy nhất và không hủy ngang trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng)  
Mã số thuế : 4601571781

**Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng nguyên tắc “Cung cấp thép xây dựng” phục vụ thi công các dự án với các chủng loại và nội dung sau:**

## **ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

### **1.1 Đối tượng Hợp đồng.**

- Thông số kỹ thuật hàng hóa:
  - Thép cán cuộn: D6, D8;
  - Thép cán thanh vằn: D10 + D40 (L=11.7m) các loại thép khác khi có nhu cầu.
- Chung loại/Xuất xứ: Thép Việt Đức, Hòa Phát, Việt Ý, Việt Nhật, Việt Mỹ, Tungho, Shengli, v.v.../Việt Nam.
- Số lượng/Khối lượng: Theo nhu cầu thực tế của Bên A, thể hiện trong Đơn đặt hàng/thông báo đặt hàng/báo giá mà hai bên xác nhận, mà Bên A gửi cho Bên B (qua fax, email, Zalo) làm cơ sở cho việc giao hàng. Số lượng thực tế sẽ được căn cứ vào biên bản giao nhận hàng có xác nhận của Chỉ huy trưởng hiện trường của Bên A và cán bộ phụ trách của Bên B.

### **1.2 Quy cách, chất lượng.**

- Các chủng loại thép được mua bán theo Hợp đồng thuộc nhãn hiệu: Thép Việt Đức, Hòa Phát, Việt Ý, Việt Nhật, Việt Mỹ, Tungho, Shengli, v.v... Sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1651:2018.
- Hàng còn mới 100%, nguyên thanh, nguyên cuộn, chưa qua sử dụng, có đầy đủ Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của Nhà sản xuất.

## **ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

### **2.1 Đặt hàng.**

- Khi có nhu cầu, Bên A gửi Thư mời chào giá/Đơn đặt hàng qua cho Bên B. Đơn đặt hàng của Bên A phải ghi đầy đủ thông tin: Số lượng từng chủng loại, thời gian giao nhận hàng, đợt giao hàng, địa điểm nhận hàng, người uỷ quyền được nhận hàng, số điện thoại người nhận, nơi giao nhận, tài liệu chứng minh nguồn gốc/chất lượng của hàng hóa.
- Bên B sẽ thông tin đầy đủ cho Bên A nội dung về hàng hóa trên cơ sở Đơn đặt hàng của Bên A thông qua việc cung cấp Báo giá kèm xác nhận đơn hàng. Báo giá kèm xác nhận đơn hàng được hai bên xác nhận, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.
- Giá mua hàng hóa theo Hợp đồng này là giá được nhà cung cấp công bố theo thời điểm được hai bên xác nhận bằng Báo giá kèm xác nhận đơn hàng.
- Trên cơ sở xác nhận bằng báo giá hoặc trên đơn/thông báo đặt hàng của Bên A và khả năng cung cấp hàng, trong vòng 24h, Bên B xác nhận và thông báo lịch giao hàng cho Bên A để Bên A sắp xếp bố trí mặt bằng tiếp nhận. Thời gian dự kiến giao hàng của Bên B không được sai lệch quá 24h so với thời gian đã được thống nhất.
- Bên B có trách nhiệm cung cấp đúng tiến độ, đủ chủng loại và số lượng/khối lượng hàng hóa theo đơn/thông báo đặt hàng của Bên A. Hàng hóa Bên B giao cần đi kèm Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của Nhà sản xuất. Trường hợp Bên B không giao hàng theo đúng tiến độ theo đã được xác nhận với Bên A, Bên B phải chịu chi phí phát sinh (nếu có) và bị phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại Điều 09 của Hợp đồng này.

### **2.2 Giao hàng:**

- Địa điểm giao hàng: Bên B giao hàng cho Bên A tại chân công trình trên phương tiện vận chuyển của Bên B. Địa điểm giao cụ thể thể hiện theo Đơn đặt hàng, được chỉ huy trưởng công trường Bên A chỉ định.

- Bên B có quyền từ chối không vận chuyển hàng vào công trình trong trường hợp địa điểm giao hàng bị ngập lụt, lầy lội, mất an toàn giao thông, cầu hẹp,...
- Số lượng/Khối lượng vận chuyển: Tối thiểu 34 tấn/xe. Trường hợp phát sinh chi phí vận tải do Bên A yêu cầu quá/chưa đủ khối lượng vận tải/xe, Bên A phải chịu chi phí phát sinh.
- Thời gian giao hàng: Giao toàn bộ hoặc giao từng đợt đi kèm Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa, được thể hiện trên đơn/thông báo đặt hàng.
- Vị trí xếp đặt: Bên B giao hàng cho Bên A công trình xây dựng của Bên A trên phương tiện vận chuyển của Bên B và Bên A chịu trách nhiệm bốc dỡ, sắp xếp vào vị trí được Chỉ huy trưởng Công trường Bên A chỉ định.
- Bên B được hiểu là đã khảo sát công trình Bên A, đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ phạm vi, trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng này.

### **2.3 Điều kiện nghiệm thu hàng hóa.**

- Bên B phải thực hiện và cung cấp cho Bên A đúng quy định về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hợp đồng và những quy định sau:
  - ✓ Các chủng loại thép được mua bán theo Hợp đồng này sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1651:2018 và được đóng gói theo đúng quy cách, hợp chuẩn, hợp quy của nhà sản xuất và tiêu chuẩn khác thể hiện trên đơn/thông báo đặt hàng.
  - ✓ Hàng hóa phải đảm bảo đúng xuất xứ từ nhà sản xuất, nguyên đai, nguyên kiện hoặc cây rời.
  - ✓ Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của Nhà sản xuất do Bên B cung cấp và chịu trách nhiệm trước Bên A về tính hợp pháp và trung thực của tài liệu đó.
- Sau khi Bên B giao hàng tại công trình của Bên A, cán bộ phụ trách của hai bên sẽ tiến hành kiểm đếm. Việc bàn giao chỉ được thực hiện khi có đầy đủ Biên bản giao nhận, Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa theo quy định trong Hợp đồng và khối lượng hàng giao tại thời điểm này được hai bên xác nhận trong Biên bản giao nhận hàng.
- Trong vòng 03-05 ngày, kết quả thí nghiệm của hàng hóa không đạt, Bên A có quyền khiếu nại về chất lượng. Hai bên thống nhất đi kiểm nghiệm tại một đơn vị thứ ba độc lập. Nếu kết quả tiếp tục không đạt thì Bên B phải có trách nhiệm lập tức thay thế toàn bộ số hàng không đạt tiêu chuẩn và đảm bảo không ảnh hưởng đến tiến độ thi công của Bên A.
- Khối lượng hàng mà Bên B giao được chỉ huy trưởng công trường Bên A xác nhận, kết quả thí nghiệm đạt yêu cầu sẽ được lập thành Biên bản bàn giao và là cơ sở để Bên A thanh toán cho Bên B.

### **ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

**3.1 Hình thức thanh toán:** Chuyển khoản qua Ngân hàng được Bên B cung cấp.

**3.2 Đồng tiền thanh toán:** Đồng Việt Nam (VNĐ).

**3.3 Giá trị thanh toán:** Thanh toán theo khối lượng được Bên A nghiệm thu thực tế.

**3.4 Thời hạn thanh toán:**

- Thời hạn thanh toán:
  - ✓ Bên A thanh toán trước khi nhận hàng hoặc thanh toán 100% của toàn bộ giá trị hàng hóa Bên B đã giao trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B giao chuyển hàng cuối cùng, tùy theo xác nhận từng đơn hàng cụ thể

- ✓ Hoặc thời hạn thanh toán khác được quy định trên đơn đặt hàng đã được 2 bên xác nhận
- ✓ Bên A thanh toán 100% tổng giá trị hàng hóa của từng đợt giao hàng theo thời gian quy định của hợp đồng sau khi Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B.
- Hồ sơ thanh toán (đối với công nợ tính từ ngày giao chuyển hàng cuối cùng), bao gồm:
  - ✓ Đề nghị thanh toán: 02 bản gốc;
  - ✓ Báo giá kèm xác nhận đơn hàng hoặc đơn đặt hàng: 02 bản gốc;
  - ✓ Hoá đơn GTGT: 02 bản in chuyển đổi có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Bên B, Bên B chịu trách nhiệm pháp lý về hóa đơn được phát hành;
  - ✓ Chứng chỉ thanh toán: 03 bản gốc theo mẫu của Bên A;
  - ✓ Đối chiếu công nợ: 02 bản gốc theo mẫu của Bên A (Thực hiện từ kỳ thanh toán 02 trở đi);
  - ✓ Biên bản giao nhận hàng hóa: 02 bản gốc, được Chỉ huy Công trường của Bên A xác nhận (Bên B đóng dấu treo);
  - ✓ Chứng chỉ chất lượng và kết quả thí nghiệm vật liệu;
  - ✓ Kết quả thí nghiệm kéo, nén, đơn trọng được Tư vấn giám sát phê duyệt (gửi bản scan cho bên A)
  - ✓ Các giấy tờ khác (nếu có) được quy định trên đơn đặt hàng.

#### **ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A**

- Tuân thủ pháp luật và các quy định trong khi thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Bên A chịu trách nhiệm bố trí mặt bằng, xếp dỡ và hạ hàng ngay khi xe đến địa điểm giao hàng, tạo mọi điều kiện hỗ trợ Bên B thực hiện việc giao hàng hóa theo đúng thời hạn đã được thỏa thuận trong đơn/ thông báo đặt hàng. Thực hiện công tác giao nhận và nghiệm thu hàng hóa sau khi Bên B giao hàng.
- Cử chỉ huy trưởng hiện trường kiểm tra, ký xác nhận hàng hóa để giải phóng phương tiện giao hàng được nhanh chóng.
- Trường hợp sau 06 giờ kể từ khi hàng đến công trình mà Bên A không thực hiện việc xếp dỡ hàng thì Bên A phải chịu chi phí lưu xe / thời gian lưu xe là 2.000.000 đồng/1 ngày/ 1 ca xe, nhưng không quá 03 ngày kể từ ngày hàng đến công trình.
- Có quyền từ chối nhận hàng khi hàng được không đảm bảo số lượng, chất lượng; đầy đủ nhãn mác cũng như Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa.
- Thanh toán kịp thời, đúng hạn theo điều khoản ghi trong Hợp đồng.

#### **ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

- Tuân thủ pháp luật và các quy định trong khi thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Kiểm tra hàng trước khi giao, thực hiện việc kiểm tra và phối hợp với Bên A đảm bảo cung cấp, giao hàng hóa cho Bên A theo đúng yêu cầu quy định về tiến độ giao hàng.
- Phối hợp với Chỉ huy trưởng hiện trường của Bên A để đảm bảo giao hàng đúng thời hạn theo Đơn đặt hàng.
- Nếu Bên B giao hàng không đúng số lượng/khối lượng, chất lượng, nhãn mác cũng như Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng. Bên B phải giao lô hàng mới theo đúng lượng/khối lượng, chất lượng như quy định.

Nếu việc đổi hàng này chậm trễ thì phải chịu phạt vi phạm hợp đồng được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này.

- Có quyền từ chối những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.
- Chịu trách nhiệm cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của Nhà sản xuất cho Bên A theo từng đơn đặt hàng được giao đến. Cung cấp kịp thời các tài liệu có liên quan khi được yêu cầu theo thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.
- Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng hoặc những vấn đề pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.
- Chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa mà Bên B cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 6. NHÀ THẦU PHỤ**

- Bên B không được giao bất kỳ khối lượng công việc nào theo Hợp đồng này cho thầu phụ nếu không được sự cho phép bằng văn bản trước đó của Bên A.

#### **ĐIỀU 7. BẢO HÀNH**

- Điều kiện bảo hành sản phẩm: Bên B bảo hành theo tiêu chuẩn nhà máy.

#### **ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG**

- Theo Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 Quy định chi tiết về Hợp đồng Xây dựng.

#### **ĐIỀU 9. THƯỜNG HỢP ĐỒNG, PHẠT HỢP ĐỒNG**

##### **9.1 Thường Hợp đồng: Không áp dụng.**

##### **9.2 Phạt vi phạm Hợp đồng.**

- Phạt vi phạm do chậm tiến độ: Trường hợp Bên B cung cấp vật liệu, hàng hóa chậm so với tiến độ quy định trong Đơn đặt hàng và/hoặc tiến độ đã được xác nhận và thống nhất với Chỉ huy trưởng hiện trường của Bên A thì Bên B phải chịu phạt 0,5% giá trị của đơn hàng giao chậm cho mỗi ngày giao chậm (Không trừ ngày Lễ, Tết) nhưng không quá 10% tổng giá trị hợp đồng. Trừ trường hợp bất khả kháng như nhà máy không đủ hàng, thiếu hàng chưa sản xuất được mà Bên B đã thông báo cho Bên A đổi sang hàng khác hoặc chờ đến khi nhà máy sản xuất đủ chủng loại thì Bên B mới giao được hàng cho Bên A. Việc phạt chậm giao hàng sẽ không được áp dụng nếu việc chậm giao hàng xảy ra do trường hợp bất khả kháng, khi đó áp dụng Điều 8.
- Phạt do chậm thanh toán: Trường hợp Bên B đã giao hàng mà Bên A chậm thanh toán cho Bên B, Bên A sẽ bị tính lãi chậm trả bằng mức lãi suất tiền vay niêm yết của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) cho kỳ hạn 06 tháng áp dụng cùng thời điểm. Thời gian tính phạt chậm thanh toán: Ngày kế tiếp sau thời hạn thanh toán được thể hiện trong Điều 3.
- Phạt do giao hàng không đúng chủng loại: Trường hợp Bên B giao hàng không đúng chủng loại như đã thống nhất, hoặc hàng hóa không đảm bảo chất lượng như đã được nêu trong Đơn đặt hàng thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm vận chuyển toàn bộ số hàng trên ra khỏi dự án/công trình và có nghĩa vụ cung cấp lô hàng mới đảm bảo chất lượng cho Bên A.
- Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm ghi trong Hợp đồng này dẫn đến thiệt hại về kinh tế cho bên kia thì phải chịu bồi thường toàn bộ các giá trị thiệt hại đó.

## **ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

### **10.1 Chấm dứt hợp đồng.**

Hợp đồng sẽ được chấm dứt khi hai bên đồng thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng hoặc một trong hai bên vi phạm các điều sau:

- Bỏ dở hoặc không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- Giao nhà cung cấp khác thực hiện công việc mà không có sự đồng ý bằng văn bản trước đó của bên còn lại (trừ đơn vị vận chuyển).
- Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ, hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;
- Nếu một bên vi phạm một trong những trường hợp kể trên, bên còn lại phải thông báo bằng văn bản cho bên kia về việc chấm dứt Hợp đồng (bao gồm cả thời hạn và điều kiện).

### **10.2 Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng.**

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng đã có hiệu lực, hai bên sẽ ngay lập tức:

- Làm thủ tục thanh lý Hợp đồng.
- Bên A vẫn có trách nhiệm thanh toán cho Bên B phần hàng hoá đã được bàn giao, xác nhận và nghiệm thu (sau khi trừ lại chi phí thiệt hại mà Bên A phải chịu do các lỗi của Bên B gây ra dẫn đến chấm dứt Hợp đồng).
- Trường hợp số tiền thiệt hại Bên A phải chịu và các khoản tiền đã ứng trước cho Bên B chưa được thu hồi lớn hơn số tiền hàng còn nợ thì Bên B phải thanh toán cho Bên A.

## **ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

### **11.1 Hiệu lực Hợp đồng.**

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết cho đến ngày 31/12/2024. Trường hợp hai bên muốn gia hạn thì ký Phụ lục Hợp đồng để tiếp tục thực hiện.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản quy định trong Hợp đồng.
- Sau ngày hết hiệu lực của Hợp đồng mà còn đơn hàng đã giao mà chưa thanh toán thì Hợp đồng này vẫn còn hiệu lực.
- Sau khi hết hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ thì Hợp đồng tự động thanh lý.
- Hợp đồng này bị chấm dứt khi:
  - ✓ 10 ngày sau khi nghĩa vụ thanh toán, quyết toán của Hợp đồng đã thực hiện xong mà hai bên không có bất kỳ vấn đề gì vướng mắc hay khiếu nại bằng văn bản, thì Hợp đồng được thanh lý.
  - ✓ Hai bên cùng thống nhất thanh lý Hợp đồng trước khi hết hiệu lực.

### **11.2 Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.**

- Trong trường hợp có thay đổi bất kỳ nội dung nào của Hợp đồng này thì hai bên phải cùng nhau bàn bạc, thống nhất để lập Phụ lục Hợp đồng trước khi thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh tranh chấp mà đôi bên không tự giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Tòa án là Quyết định cuối cùng, có giá trị thi hành đối với các bên.

- Giới hạn về trách nhiệm pháp lý: Dịch vụ không thực hiện được do tai họa thiên nhiên, địch họa, cháy nổ, phá hoại hoặc các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật. Các bên sẽ cùng thông báo cho nhau, bàn bạc thương lượng để thống nhất tiếp tục thực hiện hoặc chấm dứt Hợp đồng.

**11.3 Số lượng và giá trị văn bản:** Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản, để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A <sup>H</sup>



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Hữu Tài*

ĐẠI DIỆN BÊN B <sup>Phan Anh</sup>



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Bùi Xuân Hải*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 18.1/2024/HĐNT/HTVN-HL ngày 18/01/2024

*Về việc: Cung cấp hàng hoá*

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG VIỆT NAM

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----\*\*\*\*\*-----

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**

**Số: 18.1/2024/HĐNT/HTVN-HL**

**Về việc: Cung cấp hàng hoá**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Công ty cổ phần Xây dựng Hạ tầng Việt Nam, chúng tôi gồm có:

**BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG VIỆT NAM**

Địa chỉ : Thôn Sơn Du, xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội, Việt Nam  
Tài khoản : 260 232 5555 – Ngân hàng BIDV – CN Mỹ Đình  
Mã số thuế : 0101664920  
Điện thoại : 098 6601001  
Đại diện : **Ông TÔ ANH CHUNG** Chức vụ : **Tổng giám đốc**  
Email : hanicovietnam@gmail.com

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

**BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM**

Địa chỉ : Lô CN03, Cụm Công Nghiệp số 3, Phường Thuận Thành, Thành phố  
Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam  
Điện thoại : 0914756886  
Tài khoản : 118604262999 - tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi  
nhánh Đông Anh  
Mã số thuế : 4601571781  
Đại diện : Ông **BÙI XUÂN HẢI** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**  
Email : ctephalavn@gmail.com

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nội dung và điều khoản như sau:

## **ĐIỀU 1: HÀNG HÓA, KHỐI LƯỢNG, ĐƠN GIÁ, CHẤT LƯỢNG.**

### **1.1. Hàng hóa**

Bên A đồng ý mua bên B đồng ý cung cấp cho bên A **Vật liệu xây dựng, thép hình, thép hộp, thép cuộn, thép thanh, thép tấm, tôn cuộn, tôn các loại thép khác** trong khả năng cung cấp của bên B theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất sau đây gọi tắt là “**hàng hóa**”.

### **1.2. Khối lượng, đơn giá**

- Chung loại, khối lượng, đơn giá: được hai Bên thống nhất bằng đơn đặt hàng (ký và đóng dấu của người đại diện hoặc người đại diện được ủy quyền) và là một phần không thể tách rời của hợp đồng. Theo nhu cầu của bên B và khả năng đáp ứng của bên A tại thời điểm mua hàng

- Đơn giá: Là giá thoả thuận theo từng thời điểm và áp dụng cho từng lô hàng cụ thể, được thoả thuận, thống nhất bằng báo giá, đơn đặt hàng có xác nhận của hai bên hoặc thông báo qua điện thoại trước khi giao nhận hàng. Báo giá có xác nhận của hai bên là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này (có thể xác nhận bằng trả lời email, hoặc đơn đặt hàng có ghi đơn giá của bên A gửi cho bên B).

- Khối lượng theo Đơn hàng là tạm tính. Khối lượng thanh toán sẽ tính dựa trên khối lượng thực tế được nghiệm thu mà Bên B cung cấp cho Bên A dựa trên đơn đặt hàng, biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên.

### **1.3. Chất lượng:**

- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, không hoen gỉ, đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và yêu cầu của Bên mua.

- Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ chất lượng theo quy định, kết quả thí nghiệm của phòng thí nghiệm, chứng chỉ xuất xưởng. Được bên mua kiểm tra, thí nghiệm, nghiệm thu và đồng ý nhập hàng.

- Hàng hoá do Bên B cung cấp phải đảm bảo đúng yêu cầu thi công tương ứng với loại hàng hoá theo tiêu chuẩn, kỹ thuật của dự án đề ra. Bên B có nghĩa vụ đảm bảo các yêu cầu này của hàng hóa.

## **ĐIỀU 2: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG**

### **2.1. Thời gian giao hàng:**

- Theo yêu cầu cụ thể của bên B và được bên A chấp thuận bằng báo giá hoặc đơn đặt hàng. Được các bên xác nhận trong điện thoại, zalo hoặc trong báo giá:

### **2.2. Địa điểm giao hàng:**

- Địa điểm: Tại kho bên B hoặc tại các địa điểm mà bên B yêu cầu được bên A chấp thuận trong từng đơn đặt hàng.

### **2.3. Phương thức giao nhận:**

Hai bên thực hiện giao nhận hàng tại địa điểm nhận hàng do bên A chỉ định từ phương tiện của bên B và hai bên tiến hành kiểm đếm; đo đạc kích thước; tính toán thể tích; cân trọng lượng hàng hoá của Bên B. Lượng hàng thực giao, thực nhận có biên bản giao nhận hàng hoá giữa đại diện giao nhận hàng của hai bên, làm cơ sở cho việc cấp hoá đơn bán hàng và thực hiện thanh toán theo hợp đồng này.

- Khối lượng thanh toán là khối lượng nhỏ nhất được lấy trong 02 kết quả sau:

- ❖ *Khối lượng cân thực tế bằng hình thức cân qua trạm cân của bên A dưới sự giám sát của cán bộ phụ trách của hai Bên đối chiếu với phiếu cân, phiếu giao hàng của bên B.*

❖ *Khối lượng thép được tính dựa trên Market ghi trên các bó thép của Nhà sản xuất. Dung sai cho phép theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất hoặc quy định trong đơn đặt hàng.*

- Trong trường hợp có sự chênh lệch về khối lượng cân của hai Bên sẽ thống nhất lấy kết quả của bên có khối lượng ít hơn. Nếu hai Bên không thống nhất về trọng lượng cân thì sẽ sử dụng bàn cân của bên thứ 3 sau khi được hai bên chấp thuận để cân lại làm kết quả cuối cùng (chi phí do bên sai chịu)

- Bên B có thể giao hàng thành nhiều đợt theo yêu cầu của Bên A. Sau mỗi đợt cung cấp hàng hóa, Hai bên sẽ tiến hành xác nhận khối lượng của từng đợt để làm cơ sở thanh toán.

- Trong mỗi đợt vận chuyển theo từng đơn hàng, hai Bên tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra chất lượng kích thước hàng hóa, nếu kết quả kiểm tra đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng thì bên A sẽ nghiệm thu để làm cơ sở thanh toán, nếu không đạt thì bên A từ chối nhận và Bên B có trách nhiệm giao bổ sung lại khối lượng hàng hóa đảm bảo chất lượng cho Bên A để bù vào khối lượng bị thiếu hụt, bị lỗi, không đảm bảo chất lượng trong vòng không quá 72 giờ.

- Khi Bên B giao hàng hóa tại địa điểm giao nhận mà Bên A chỉ định thì Bên A sẽ cử cán bộ được Bên A chỉ định (được phép ký xác nhận trên phiếu nhập hàng hóa) và đội ngũ nhận hàng online trên Văn phòng cùng Bên B kiểm tra chất lượng hàng hóa của từng chuyến, nếu đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng thì cho phép xuống hàng, nhận hàng và nếu không đạt thì bên B không được phép hạ hàng xuống công trường. Sau khi giao hàng, cán bộ của hai bên phải ký xác nhận vào Phiếu giao nhận/ Biên bản bàn giao hàng hoá (theo mẫu của cả Bên A và Bên B), mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ thanh toán công nợ.

- Trong trường hợp Bên B hạ hàng không đảm bảo về chất lượng kỹ thuật tới công trường thì Bên A có quyền từ chối nhận và yêu cầu Bên B bốc dỡ, vận chuyển vật liệu ra khỏi công trường hoặc chịu mọi chi phí để bên A bốc dỡ, vận chuyển vật liệu ra khỏi công trường, Bên B cũng có trách nhiệm giao bổ sung khối lượng vật liệu lỗi đó cho Bên A để bù vào khối lượng bị thiếu hụt trong vòng không quá 72 giờ.

### **ĐIỀU 3. THANH TOÁN:**

#### **3.1. Hình thức thanh toán:**

- Chuyển khoản hoặc tiền mặt;
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng;
- Bên A cam kết số tài khoản do bên A cung cấp để thanh toán theo hợp đồng này đã được bên B đăng ký và thông báo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

#### **3.2. Thanh toán:**

Thời hạn thanh toán tùy theo từng đơn đặt hàng, cụ thể:

- Thanh toán trước khi nhận hàng
- Thanh toán ngay sau khi nhận hàng

##### **3.2.1 Thanh toán tiền đặt hàng gồm:**

- Đơn đặt hàng có xác nhận của 2 bên
- Hợp đồng sao y bản chính
- Đề nghị thanh toán đơn hàng theo giá trị đã ghi trong đơn đặt hàng được 2 bên thống nhất.

### 3.2.2 Quyết toán đơn hàng:

Sau khi bên B vận chuyển hàng đến địa điểm của bên A, được bên A kiểm tra nghiệm thu đạt yêu cầu, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị nghiệm thu đơn hàng cho bên B sau khi đã trừ đi các khoản phạt, thanh toán, chi phí khác (nếu có)..., cụ thể được hai bên thống nhất theo từng đơn đặt hàng.

- Hồ sơ bao gồm:

- 1 Giấy đề nghị thanh toán 100% giá trị tiền hàng trước khi giao hàng (cấp bản gốc); (Bên mua có thể giải ngân từng ngày theo tiến độ giao hàng)
- + Hóa đơn giá trị gia tăng VAT ;
- + Biên bản bàn giao/ Phiếu giao nhận/ Phiếu nhập kho được đại diện hai bên ký xác nhận;
- + Phiếu cân hoặc hình ảnh cân thực tế tại kho bên A;
- + Biên bản đối chiếu khối lượng, công nợ được ký đóng dấu;
- + Chứng chỉ nguồn gốc (CO)/ chứng chỉ chất lượng (CQ) hoặc chứng chỉ xuất xưởng;

*\* Ghi chú: Bên B chịu trách nhiệm về việc đã cấp hoá đơn điện tử cho bên A. Nếu sau này điều chỉnh/hủy hoá đơn điện tử do bàn giao hàng hoá thực tế... thì bên B phải thông báo cho bên A chậm nhất 10 ngày kể từ ngày điều chỉnh/hủy hoá đơn mà bên B đã phát hành. Trong mọi trường hợp khi điều chỉnh/hủy hoá đơn mà bên B không thông báo cho bên A, khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện thì bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước bên A và pháp luật về các chi phí phát sinh do không thông báo điều chỉnh/hủy hoá đơn theo quy định.*

## ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI BÊN

### 4.1. Quyền và Nghĩa vụ của Bên A:

- Thông báo đặt hàng cho Bên B theo đúng quy định hợp đồng.
- Cử cán bộ đại diện giao nhận và kiểm tra chất lượng, khối lượng với Bên B khi hàng hoá được giao tới và ký xác nhận vào Phiếu giao nhận/ Biên bản bàn giao.
- Thường xuyên cử cán bộ theo dõi, giám sát khối lượng/chất lượng hàng hóa để làm căn cứ thanh toán, quyết toán.
- Chuẩn bị mặt bằng vị trí tập kết giúp bên B giao hàng và giải phóng hàng kịp tiến độ.
- Phối hợp cùng với Bên B để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Bên A được quyền giữ công nợ của Bên B tại các Hợp đồng khác với bên A để khấu trừ các khoản phạt, đền bù thiệt hại của Bên B gây ra cho Bên A tại Hợp đồng này.
- Thanh toán đúng thời hạn như đã quy định ở Điều 3 của hợp đồng này.
- Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu Bên B không thực hiện và/hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp Đồng, Bên A có thể ra Thông báo tạm dừng công việc của Bên B, yêu cầu Bên B phải thực hiện việc khắc phục trong khoảng thời gian theo quy định trong hợp đồng (sau đây gọi là “Thông báo tạm dừng”). Khi nhận được Thông báo tạm dừng, Bên B sẽ ngay lập tức tuân thủ các yêu cầu/điều khoản nêu tại Thông báo tạm dừng thực hiện công việc cho đến khi Thông báo tạm dừng bị hủy bỏ theo quyết định của Bên A.
- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng nếu Bên B có các hành vi vi phạm sau:

- + Chậm cung cấp hàng hóa theo đơn đề nghị của Bên A đến 03 ngày.
- + Không hoàn thành việc cung cấp vật tư theo yêu cầu của Bên A mà không có lý do chính đáng và không được Bên A chấp thuận bằng văn bản.
- + Vi phạm hoặc không thực hiện các trách nhiệm của Bên B tại Mục 4.2, Điều 4 theo Hợp Đồng này và vẫn tiếp tục vi phạm hoặc không thực hiện kể từ ngày Bên A gửi thông báo.
- Ngay khi Thông báo chấm dứt Hợp Đồng có hiệu lực, Bên B có trách nhiệm hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.
- + Bên A sẽ không phải thanh toán bất cứ một khoản công nợ còn lại nào cho Bên B, đồng thời Bên B phải thanh toán mọi chi phí thiệt hại mà Bên A sẽ phải gánh chịu từ việc chấm dứt Hợp Đồng do lỗi của Bên B.
- + Bên A sẽ liệt kê và gửi cho Bên B toàn bộ các chi phí thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B.
- Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Hợp đồng này.

#### **4.2. Quyền và Nghĩa vụ của Bên B:**

Báo giá cho bên A và tiến hành cung ứng đủ chủng loại, số lượng hàng hoá theo thoả thuận của hai bên.

Cung cấp hàng hóa đúng chủng loại, khối lượng, chất lượng và thời gian theo hợp đồng. Nếu bên B cung cấp hàng không đảm bảo chất lượng hoặc không đảm bảo tiến độ, đơn phương chấm dứt hợp đồng, giao hàng không đúng khối lượng (gian lận khối lượng), chất lượng (gian lận về chất lượng), giả mạo và ký khống giấy tờ thủ tục nghiệm thu thanh toán... thì bên A có quyền từ chối nhận hàng (hoặc trả lại hàng nếu đã nhận), đồng thời bên B phải chịu phạt (10% giá trị đã thực hiện của Bên B tại Dự án) và bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho bên A.

Cung cấp đầy đủ giấy tờ, hoá đơn, chứng chỉ chất lượng của vật liệu (kết quả thí nghiệm vật liệu) theo quy định hiện hành.

Có nghĩa vụ giải quyết khiếu nại về chất lượng hàng hóa. Chịu trách nhiệm đổi lại hàng hoá khi không đảm bảo yêu cầu đã cam kết trong báo giá và hợp đồng.

Có quyền dừng cung cấp hàng hóa trong trường hợp Bên A không thực hiện điều khoản thanh toán đúng như đã thỏa thuận trên báo giá hoặc đơn đặt hàng; Đồng thời, nếu quá hạn thanh toán bên A phải chịu lãi với lãi suất 0.055%/ ngày trong suốt thời gian quá hạn

Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và kịp thời các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Mọi sửa đổi bổ sung hợp đồng phải được xác lập bằng văn bản và có xác nhận của hai bên.

- Không bên nào đơn phương từ bỏ hợp đồng, trường hợp có tranh chấp xảy ra, hai bên cùng nhau bàn bạc tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần thương lượng, nếu hai bên thương thuyết không thành sẽ đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định cuối cùng của Toà án sẽ ràng buộc cả hai bên. Toàn bộ án phí và tất cả phí tổn hành chính sẽ do Bên thua kiện chịu, trừ khi Tòa án có phán quyết khác.

- Các điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng sẽ được các bên thực hiện theo đúng quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa.



- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày **31/12/2024**. Các bên cam kết giải quyết toàn bộ các khoản nợ còn tồn đọng và các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày các bên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng, hai bên không còn khiếu nại gì thì hợp đồng tự động thanh lý.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B *[Signature]*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Bùi Xuân Hải*

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC  
**TÔ ANH CHUNG**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Số: 25.10/2023HDNT/319-HL

“Về việc cung cấp vật liệu thép xây dựng các loại”.

Gói thầu số 14: Xây dựng các hạng mục công trình chính khối Trung đoàn bộ; Sân đường nội bộ, sân gạch Terazzo thuộc Dự án: ĐTXD doanh trại Trung đoàn bộ binh 165/Sư đoàn 312/Quân đoàn I; Địa điểm: Xã Trung Mỹ - Huyện Bình Xuyên – Tỉnh Vĩnh Phúc

**PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

Căn cứ Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và sửa đổi bổ sung ngày 01/01/2006 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;  
Căn cứ Bộ Luật Dân Sự đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa VI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;  
Căn cứ tình hình thực tế, nhu cầu, khả năng và thỏa thuận đạt được giữa hai bên.

Và các căn cứ khác,

**PHẦN 2. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG**

Hôm nay, ngày 25 tháng 10 năm 2023, Chúng tôi gồm:

**I. Bên A (Bên mua):**

**XÍ NGHIỆP XÂY LẬP 10 - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY 319**

Đại diện : Đại tá **Đặng Văn Thịnh**

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Số 145/154 Đường Ngọc Lâm - Phường Ngọc Lâm - Quận Long Biên - TP Hà Nội, Việt Nam

Điện Thoại : 0438 737 823

Mã số thuế : 01 001 08 984 - 024

Tài khoản số: 0751100266 011, Tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội, Chi nhánh Đồng Đa, PGD Tây Sơn.

**II. Bên B (Bên bán):**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM**

Đại diện : Ông Phùng Việt Mạnh

Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc

(Theo văn bản ủy quyền số: 02-23/GUQ-HALA của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hala Việt Nam)

Địa chỉ : Lô CN03, Cụm Công Nghiệp số 3, Phường Thuận Thành,  
Thành phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện Thoại : 0914756886

Mã số thuế : 4601571781

Số tài khoản : 118604262999 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam  
– CN Đông Anh

*Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật  
liệu thép xây dựng các loại phục vụ thi công các Dự án theo nhu cầu bên mua:*

**Điều 1. Hàng hóa, chất lượng, số lượng và giá cả.**

1.1. Hàng hóa: Bên B đồng ý bán, bên A đồng ý mua các chủng loại thép xây dựng do các nhà máy thép Hòa Phát, Việt Đức và các nhà máy sản xuất thép khác... để phục vụ thi công xây dựng gói thầu số 14: Xây dựng các hạng mục công trình chính khối Trung đoàn bộ; Sân đường nội bộ, sân gạch Terazzo thuộc Dự án: ĐTXD doanh trại Trung đoàn bộ binh 165/Sư đoàn 312/Quân đoàn I; Địa chỉ: Xã Trung Mỹ - Huyện Bình Xuyên – Tỉnh Vĩnh Phúc.

1.2. Chất lượng của hàng hóa:

- Hàng mới chưa qua sử dụng, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Chất lượng hàng hoá bên B đảm bảo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất mà bên A đã chỉ định trong đơn đặt hàng. Cấp chứng chỉ chất lượng, chứng chỉ xuất xưởng của nhà sản xuất kèm theo từng đợt giao hàng.

- Sau khi nhận hàng bên mua phải bảo quản hàng chống rỉ sét, giảm chất lượng, trước khi đưa vào sử dụng bên A sẽ lấy mẫu từng chủng loại vật tư và bằng chi phí của mình để các làm công tác thí nghiệm kiểm tra chất lượng hàng hóa tại một đơn vị thí nghiệm có đủ chức năng, nếu kết quả thí nghiệm kiểm tra chất lượng không đạt theo TCVN hiện hành thì bên A sẽ thông báo ngay cho bên B. Lô hàng có mẫu thử không đạt chất lượng phải được niêm phong, không được đưa vào sử dụng và Đại diện bên B phải có mặt kịp thời để xử lý cùng với bên A, trong vòng 24h bên B phải vận chuyển lô hàng không đạt chất lượng ra khỏi công trình và cấp bổ sung ngay hàng hóa tương ứng nhằm đáp ứng yêu cầu thi công. Các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, cấp lại hàng và các chi phí liên quan do bên B chịu trách nhiệm chi trả.

1.3. Số lượng: Số lượng, quy cách, chủng loại thép được hai bên xác nhận cụ thể tại từng đơn đặt hàng là cơ sở để Bên B xem xét khả năng cung ứng. Số lượng, quy cách, chủng loại mua bán, giao nhận và thanh toán thể hiện trên biên bản giao nhận hàng, đối chiếu và hoá đơn GTGT.

1.4. Giá cả: Là giá báo theo thỏa thuận tại từng thời điểm (từng đơn hàng) và xuất hoá đơn GTGT dựa trên khối lượng giao nhận thực tế và báo giá có chữ ký của người có thẩm quyền và dấu xác nhận của bên A.

## **Điều 2. Phương thức giao nhận, bốc xếp, vận chuyển.**

2.1. Bên A ủy quyền người đại diện trực tiếp giao dịch với Bên B: Đặt hàng, ký xác nhận đơn đặt hàng, ký biên bản giao nhận hàng.

2.2. Phương thức giao nhận:

- Được thống nhất cụ thể theo từng đơn hàng được đại diện của hai bên ký và đóng dấu xác nhận.

2.3. Khi nhận hàng Bên A phải kiểm tra số lượng, quy cách, chủng loại, hàng hóa. Lượng hàng giao nhận thực tế phải lập thành biên bản được hai bên xác nhận làm cơ sở cho việc thanh toán và chuyển giao quyền sở hữu.

2.4. Địa điểm giao nhận: Gói thầu số 14: Xây dựng các hạng mục công trình chính khối Trung đoàn bộ; Sân đường nội bộ, sân gạch Terazzo thuộc Dự án: ĐTXD doanh trại Trung đoàn bộ binh 165/Sư đoàn 312/Quân đoàn I; Địa chỉ: Xã Trung Mỹ - Huyện Bình Xuyên – Tỉnh Vĩnh Phúc

2.5. Thời gian giao hàng: Sẽ được hai bên thống nhất tại đơn đặt hàng cụ thể. Bên B sẽ giao hàng cho bên A trong thời gian  $\geq 48h$  kể từ khi bên A gửi đơn hàng cho bên B có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận của bên A.

## **Điều 3. Phương thức thanh toán**

3.1. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản

3.2. Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng Việt Nam đồng.

3.3. Phương thức thanh toán:

Mỗi Đơn hàng được chậm trả trong thời gian 30 ngày và giới hạn công nợ là: 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) tùy theo điều kiện nào đến trước. Nếu quá thời gian thanh toán và công nợ vượt hạn mức thì Bên A phải chịu lãi chậm thanh toán với lãi suất 0.054%/ngày trong suốt thời gian quá hạn. Đồng thời Bên B thực hiện thủ tục yêu cầu Bên A ký xác nhận đối chiếu công nợ, thu hồi công nợ khoản nợ và lãi quá hạn (nếu có). Nếu Bên A không ký biên bản đối chiếu xác nhận công nợ sau khi bên B đã gửi biên bản đề nghị bên A đối chiếu xác nhận theo Email, Zalo hoặc thư EMS trong vòng 07 ngày làm việc mà không được bên A phản hồi về số liệu và ký xác nhận đối chiếu, thì được xem là bên A đồng ý với số liệu, giá trị được ghi trong biên bản xác nhận, đối chiếu do bên B gửi cho bên A và bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ của đơn hàng tiếp theo mà bên B thực hiện theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Tùy điều kiện nào đến trước.

### **Hồ sơ bao gồm:**

- + Đối chiếu công nợ ;
- + Biên bản giao nhận hàng hóa
- + Hóa đơn giá trị gia tăng.
- + Đề nghị thanh toán.

## **Điều 4. Trách nhiệm của các bên**

### **4.1. Trách nhiệm của Bên A**

4.1.1. Gửi đơn đặt hàng cho Bên B như quy định tại Điều 1, Điều 2 của hợp đồng; trong đó nêu rõ số lượng, quy cách, chủng loại hàng hóa, giá cả, phương thức thanh toán, địa điểm, tiến độ và hình thức giao hàng của từng loại hàng hóa cụ thể mà Bên A cần mua.

4.1.2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm về nhận hàng tại Điều 2 của hợp đồng.

4.1.3. Kịp thời bố trí người, phương tiện, địa điểm nhận hàng bảo đảm tiến độ cung cấp hàng của Bên A.

4.1.4. Thanh toán đúng thời gian qui định tại Điều 3 của hợp đồng.

4.1.5. Trường hợp xe hàng của bên B có mặt tại công trường của bên A quá 24h kể từ khi xe có mặt tại công trường mà bên A không hạ hàng thì bên A phải chịu phí lưu ca xe là 2.000.000VND/ngày. (trừ trường hợp thiên tai địch họa, lũ lụt ....).

### **4.2. Trách nhiệm của Bên B**

4.2.1. Cung cấp đúng số lượng, chủng loại, qui cách, chất lượng hàng hóa và đúng tiến độ giao nhận hàng cho Bên A trên cơ sở xác nhận của hai bên tại đơn đặt hàng/báo giá. Trong trường hợp xảy ra cung cấp sản phẩm không đảm bảo chất lượng được bên thứ ba kiểm định, hoặc cung cấp không đúng chủng loại hàng hóa thì Bên B sẽ thay thế ngay các sản phẩm này trong vòng 48h và tự chịu mọi phí tổn phát sinh này.

4.2.2. Cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ tài chính hợp pháp và các giấy tờ về chất lượng liên quan đến lô hàng mà Bên B đã cấp cho Bên A.

4.2.3. Bên B thông báo kịp thời giá bán và chính sách bán hàng cho Bên A khi có sự thay đổi hoặc theo yêu cầu của Bên A.

4.2.4 Nếu bên B giao hàng chậm trễ làm ảnh hưởng tới tiến độ thi công mà không có thông báo lý do chính đáng cho bên A thì sẽ phải chịu phạt 0.05%/ngày cho giá trị lô hàng chậm.

## **Điều 5. Những cam kết chung**

5.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu hai bên có thỏa thuận khác thì tiến hành lập phụ lục hợp đồng.

5.2. Các đơn đặt hàng, giấy báo giá, xác nhận đơn đặt hàng, biên bản giao nhận có xác nhận của hai bên là những Phụ lục hợp đồng - Bộ phận không thể tách rời của hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung vào hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được hai bên thống nhất bằng văn bản.

5.3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên nào gặp khó khăn thì thông báo cho bên kia biết để cùng thảo luận giải quyết.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**

**Số: 25.12/2023/HĐNT/HL-VD**

**Về việc: Mua bán vật liệu xây dựng**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 năm 2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14;
- Căn cứ vào nhu cầu, năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày ~~21~~ tháng ~~12~~ năm 2023, tại Văn phòng Công ty Cổ phần HALA Việt Nam, chúng tôi gồm có:

**BÊN MUA: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VIỆT DŨNG (Sau đây gọi tắt là bên A)**

Địa chỉ : Thôn Hòa Lạc, Xã Bình Yên, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
VPGD : Số 254, Thôn Đoàn Kết, Xã Cổ Đông, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội  
Mã số thuế : 0105806693  
Người đại diện : Ông **Bùi Việt Dũng** Chức vụ: **Giám Đốc**  
Tài khoản : 8301102268888  
Tại : Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sơn Tây - Hà Nội

**BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM (Sau đây gọi tắt là bên B)**

Địa chỉ : Lô CN03, Cụm Công Nghiệp số 3, Phường Thuận Thành, Thành phố Phở Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam  
Mã số thuế : 4601571781  
Người đại diện : Ông **Bùi Xuân Hải** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**  
Số điện thoại : 0914756886  
Tài khoản : 118604262999  
Tại : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh

Sau khi thương thảo bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán, cung cấp vật liệu xây dựng: xi măng, sắt thép, gạch các loại,... gồm các điều khoản như sau:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán các loại vật liệu xây dựng như: xi măng, sắt thép, gạch... với quy cách, số lượng, đơn giá chi tiết như sau:

### **1.1 Đơn giá và số lượng:**

- Chung loại, xuất xứ, đơn giá và số lượng mua cụ thể thỏa thuận theo thời điểm lấy hàng bằng báo giá hoặc đơn đặt hàng
- Khối lượng thanh toán là khối lượng thực tế được thống nhất giữa Bên A và Bên B bằng biên bản giao nhận/ biên bản đối chiếu khối lượng / hóa đơn...

### **1.2 Chất lượng hàng hóa:**

- Chất lượng của hàng hóa đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Đối với thép: Sau khi nhận hàng bên mua phải bảo quản hàng chống rỉ sét, giảm chất lượng, trước khi đưa vào sử dụng nếu cần bên A phải bỏ chi phí của mình cho thí nghiệm để kiểm tra chất lượng (Bên bán không chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng với hàng hóa đã đưa vào sử dụng trước khi thí nghiệm hoặc đã đưa vào sử dụng mà không đạt chất lượng). Đối với hàng chưa sử dụng và không được thí nghiệm, bên bán chỉ chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về chất lượng trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận hàng. Quá thời gian trên hàng hoá coi như đảm bảo đúng mọi yêu cầu về chất lượng, số lượng, thời gian...

### **1.3 Thời gian và địa điểm giao hàng:**

- Thời gian giao hàng trong vòng 03 ngày kể từ ngày xác nhận đơn hàng
- Địa điểm giao hàng thỏa thuận theo từng đơn hàng. Trường hợp bên bán vận chuyển hàng đến kho hoặc công trình bên mua thì bên bán chỉ nhận vận chuyển đến nơi xe chuyên chở có thể vào được, nếu gặp đường xấu, trơn trượt, sụt lún, cấm....Thì bên mua phải có trách nhiệm khắc phục, chuyển tải giải phóng hàng cho xe nhanh chóng vào được, qua thời gian trên bên mua phải trả tiền chi phí ca xe theo thỏa thuận hai bên.

### **1.4 Phương thức giao nhận:**

- Bên A phải gửi đơn đặt hàng hoặc xác nhận báo giá đến bên B làm căn cứ xuất hàng.
- Bên A có thể đặt hàng cho Bên B trước ít nhất 03 ngày để Bên B có kế hoạch cung ứng hàng hóa kịp thời
- Bên A sẽ cử cán bộ hoặc người được ủy quyền để nhận hàng
- Đối với xi măng bao: Bên B giao hàng cho bên A bằng cách kiểm đếm đầu bao nguyên lành trên phương tiện vận chuyển.
- Đối với sắt thép: Khối lượng hàng hóa được xác nhận dựa trên thực tế được thống nhất giữa Bên A và Bên B
- Đối với gạch: Tỷ lệ vỡ lỗi cho phép: 2%; Pallet được thu hồi toàn bộ (Hư hỏng hoặc mất mát phải bồi thường)
- Số lượng hàng hóa giao nhận tối thiểu mỗi chuyến được thống nhất theo đơn đặt hàng.

## **ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

**2.1** Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng

**2.2** Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

**2.3** Phương thức thanh toán: Theo từng đơn đặt hàng

Cụ thể:

+ Bên A thanh toán 100% giá trị đơn hàng cho Bên B trước khi nhận hàng

+ Nếu quá hạn thanh toán bên mua phải chịu lãi với lãi suất 0.055%/ ngày trong suốt thời gian quá hạn

Trường hợp ngày đến hạn thanh toán trùng ngày lễ, tết, ngày nghỉ, chủ nhật thì thanh toán vào ngày làm việc trước đó.

### **ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI BÊN**

#### **3.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- Cung cấp đầy đủ thông tin về số lượng, chủng loại hàng hóa cho bên B trước 03 ngày cho bên B
- Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định trong Hợp đồng
- Thí nghiệm hàng hóa trước khi sử dụng. Trường hợp kết quả không đạt phải báo ngay cho bên bán và nhà sản xuất tham gia thí nghiệm lại tại phòng lab độc lập được các bên thống nhất, kết quả thí nghiệm này được các bên công nhận và sử dụng
- Đảm bảo đường vào kho cho xe vận tải chuyên dụng vào được. Khi hàng đến công trường, bên mua phải bố trí nơi đỗ xe đảm bảo an toàn giao thông, tiến hành nhận và hạ hàng nhanh, thuận lợi tại nơi xe chuyên chở đến được gần kho, bãi tập kết nhất
- Yêu cầu bên B cung cấp hàng đầy đủ, đảm bảo đúng chất lượng, quy cách theo hợp đồng
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng này.

#### **3.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng hàng hóa cho Bên A
- Có trách nhiệm giao hàng hóa, chứng từ theo thỏa thuận trong hợp đồng về số lượng, chất lượng và tiến độ giao hàng cũng như các quy định khác trong hợp đồng
- Được quyền từ chối giao hàng nếu Bên A không thanh toán theo quy định trong Hợp đồng
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 4: BẤT KHẢ KHÁNG**

**4.1** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, sóng thần, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng và được miễn trách nhiệm bồi thường, phạt đối với bên còn lại. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra
- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 03 (ba) ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng

- Bên không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng phải chứng minh một cách hợp lệ mối liên hệ nhân quả giữa việc không thực hiện hoặc chậm trễ với sự kiện bất khả kháng.

4.2 Sự kiện bất khả kháng tác động trực tiếp và là nguyên nhân trực tiếp và gần nhất làm cho Bên đó bị cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện Hợp đồng. Việc thanh toán giá trị Hợp đồng vẫn thực hiện đúng theo nội dung Hợp đồng đã ký.

4.3 Trong mọi trường hợp, điều khoản Bất khả kháng không được áp dụng bởi Bên mua với mục đích trốn tránh các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ Hợp đồng.

4.4 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình. Hồ sơ về các sự kiện bất khả kháng làm chậm tiến độ Hợp đồng được cấp có thẩm quyền chấp nhận.

4.5 Nếu do hậu quả của Sự kiện bất khả kháng mà một bên hoặc các bên không thể tiếp tục thực hiện được các thỏa thuận tại Hợp đồng này trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng thì các bên có quyền chấm dứt Hợp đồng và Bên mua có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị hàng hóa đã nhận cho Bên bán.

#### ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG:

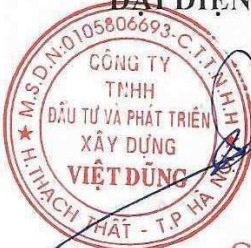
- Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để tìm cách giải quyết. Mọi tranh chấp phát sinh giữa Hai bên liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội
- Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật.

#### ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết đến khi hai bên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng và không còn vướng mắc về công nợ thanh toán thì mặc định Hợp đồng được thanh lý./.


Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC  
*Bùi Việt Dũng*

ĐẠI DIỆN BÊN B *tranh*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Bùi Xuân Hải*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---\*\*\*---

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**

Số: 187/HĐNT/2024/C75-

(Về việc: Mua bán hàng hóa: Sắt, thép các loại)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội khoá 11, kỳ họp thứ 7 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ khả năng đáp ứng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Công ty Cổ phần xây dựng Cầu 75, chúng tôi gồm có:

**I. BÊN A (BÊN MUA): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75.**

Người đại diện : Ông Phùng Văn Tình Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Số 6, ngõ 83 đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.  
Điện thoại : 0243.6871558 Fax: 02436871352  
Mã số thuế : 2900324829  
Tài khoản : 117 0000 11814 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An, Hà Nội.

**II. BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM**

Đại diện : Ông Bùi Xuân Hải Chức vụ: Tổng Giám Đốc  
Địa chỉ : Lô CN03, Cụm công nghiệp số 3, Phường Thuận Thành, Thành phố Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên  
Điện thoại : 0914756886  
Mã số thuế : 4601571781  
Tài khoản : 118604262999 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Đông Anh

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1: HÀNG HÓA**

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán các mặt hàng sắt, thép với chủng loại, chất lượng, khối lượng, giá cả như sau:

### 1.1 **Chủng loại hàng:**

✓ Thép xây dựng: tròn trơn cuộn (có đường kính từ D1mm đến D8mm), thép thanh trơn và vân (có đường kính từ D10mm đến D41 mm) theo các tiêu chuẩn: JIS G3112 (SD295, SD390, SD490), ASTM A615 (Gr 40, Gr 60), TCVN 1651-85 (CI, CII, CIII), TCVN 1651-2-2018 (CB240T, CB300-V, CB400-V, CB500-V) được sản xuất bởi các dây chuyền công nghệ của Ý, Nhật, Đức. Hàn Quốc ....

✓ Thép ống, thép hình, thép tấm: theo các tiêu chuẩn Nhật bản, Mỹ và Việt Nam .

**1.2 Chất lượng hàng hóa:** Hàng hóa đúng chủng loại, đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đã đăng ký của nhà sản xuất theo quy định kỹ thuật chung và phù hợp với tiêu chuẩn dự án của Bên A. Hàng có kèm theo chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất.

### 1.3 **Khối lượng**

Bên B sẽ chuẩn bị hàng hóa và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của bên A theo từng đơn hàng cụ thể. Đơn đặt hàng của Bên A (bằng văn bản, điện thoại, fax, email) là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

**1.4. Giá cả:** Căn cứ vào nhu cầu và nỗ lực của hai bên, bên B làm việc với nhà máy để được áp dụng chính sách giá tốt nhất và phù hợp với hình thức thanh toán được hai bên thống nhất tại từng thời điểm.

- Với đơn hàng thép các loại, bên B sẽ thông báo giá cho Bên A khi nhận được yêu cầu chào giá của Bên A. Thời hạn áp dụng của từng đơn hàng sẽ được ghi cụ thể trong Báo giá thời điểm của Bên B.

- Báo giá của Bên B là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

## **ĐIỀU 2: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### 2.1 **Điều kiện cấp hàng:**

✓ Khi phát sinh nhu cầu, bên A phải gửi cho bên B đơn đặt hàng.

✓ Sau khi nhận được đơn đặt hàng của bên A, bên B xem xét và báo giá cụ thể về chủng loại hàng, tiêu chuẩn, số lượng, đơn giá, kèm theo các điều kiện về thời gian, địa điểm giao hàng, phương thức thanh toán...

✓ Đơn giá và các điều kiện liên quan sẽ được hai bên thỏa thuận và thống nhất bằng Báo giá/Phụ lục hợp đồng chi tiết cho từng đơn hàng cụ thể.

✓ Báo giá/Phụ lục hợp đồng chi tiết phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp của hai bên xác nhận và là cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện.

301  
CƠ  
CÓ  
H  
T  
TH

## 2.2 Giao nhận hàng hóa:

Căn cứ vào xác nhận đơn hàng hoặc phụ lục hợp đồng chi tiết đã được hai bên xác nhận, bên B tiến hành giao hàng cho bên A như sau:

### 2.2.1 Địa điểm giao hàng:

✓ Được thống nhất theo từng đơn đặt hàng.

### 2.2.2 Thời gian giao hàng:

✓ Bên B sẽ tập trung nguồn lực cấp hàng sớm nhất đáp ứng tiến độ cho bên A trong thời gian đã được hai bên thỏa thuận và thống nhất.

### 2.2.3 Kiểm tra giao nhận hàng:

✓ Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có Biên bản giao nhận hàng và chứng chỉ chất lượng, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa để làm cơ sở xuất Hoá đơn giá trị gia tăng và thanh toán.

✓ Đối với thép cuộn: giao theo phiếu cân Nhà Máy hoặc Eteket gắn trên mỗi cuộn. Thép cây, thép tấm, thép hình, thép ống : đếm số lượng thực tế quy ra khối lượng theo Barem TCVN 1651-2:2018.

✓ Khi giao nhận hàng, người được bên A ủy quyền/giới thiệu là đại diện nhận hàng (kèm giấy ủy quyền/giấy giới thiệu) phải kiểm tra phẩm chất, số lượng, quy cách hàng hoá và ký Biên bản giao nhận hàng. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng theo yêu cầu thì bên A phải lập biên bản và thông báo ngay cho bên B để bên B kịp thời giải quyết.

✓ Bên A lấy mẫu hàng hoá để thí nghiệm tại cơ quan kiểm định độc lập trong vòng 5 đến 7 ngày kể từ thời điểm hàng đến công trình.

✓ Trong vòng 15 ngày sau khi hàng đến công trình, nếu Bên A không có ý kiến về chất lượng hàng hóa thì hàng hóa bên B giao đảm bảo chất lượng.

## **ĐIỀU 3: THANH TOÁN**

Trên từng đơn hàng cụ thể, hai bên cùng trao đổi và thống nhất áp dụng một trong các hình thức thanh toán sau để phù hợp với từng thời điểm:

✓ **Thanh toán:** Mỗi lô hàng được chậm trả trong thời hạn 30 - 45 ngày kể từ ngày Bên B giao đầy đủ hàng hóa đảm bảo chất lượng cho Bên A và Bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Bên B.

✓ Trong điều kiện giá cả biến động tăng mạnh, hàng hóa khan hiếm nếu Bên A muốn bên B giữ giá thì Bên A phải thanh toán trước cho Bên B 100% giá trị tiền hàng.

571  
NG T  
PH  
ALA  
INA  
ING

✓ Hoặc phương thức thanh toán linh hoạt khác tùy tình hình thực tế mà hai bên có thể thỏa thuận và xác nhận trên Báo giá/ Phụ lục hợp đồng/ Xác nhận đơn đặt hàng chi tiết.

✓ Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Đề nghị thanh toán

+ Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận A-B

+ Các chứng chỉ về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa.

+ Hóa đơn GTGT hợp lệ xuất cho Bên A.

#### **ĐIỀU 4: ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ:**

✓ Vào cuối mỗi tháng/quý hoặc thời điểm (theo tình hình thực tế), hai bên cùng tiến hành ký Biên bản xác nhận công nợ để xác nhận số dư nợ gồm: tiền hàng, tiền thanh toán và các khoản phát sinh nếu có. Biên bản này sẽ là cơ sở cho những đợt thanh toán tiếp theo hoặc làm cơ sở để giải quyết tranh chấp (nếu có).

✓ Việc xác nhận công nợ phải được thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên bán gửi biên bản xác nhận công nợ, nếu quá thời hạn nêu trên mà bên mua không xác nhận công nợ thì xem như đã chấp thuận các số liệu do bên bán đưa ra.

#### **ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

##### ***5.1 Trách nhiệm của bên A:***

✓ Thực hiện việc thông báo và gửi yêu cầu đặt hàng cho Bên B.

✓ Chuẩn bị phương tiện, nhân lực và chịu chi phí cho việc xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa khi nhận hàng, ký Biên bản giao nhận và nhanh chóng giải phóng hàng khỏi phương tiện vận chuyển khi hàng được chở đến kho/công trình bên A.

✓ Thanh toán tiền hàng theo đúng Điều 3 của hợp đồng .

##### ***5.2 Trách nhiệm của bên B:***

✓ Cung cấp hàng hóa đúng theo thỏa thuận của hai bên đã được thống nhất trên Báo giá/Phụ lục hợp đồng chi tiết về số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm.

✓ Cung cấp đầy đủ chứng từ theo lô hàng: chứng chỉ chất lượng, chứng chỉ nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa. Bên B phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa giao cho Bên A.

✓ Nếu lô hàng không đạt chất lượng thì bằng kinh phí của mình bên B phải nhanh chóng đưa lô hàng đó ra khỏi công trường của bên A và đổi ngay lô hàng mới để đáp ứng tiến độ của bên A và bên B phải chịu mọi chi phí liên quan đến công việc đổi hàng đó.

✓ Cung cấp hóa đơn GTGT hợp lệ cho Bên A.

87-  
2  
M  
UYEN



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**

Số: 0304.../HDNT/HL-ĐP

**Về việc: Cung cấp thép xây dựng các chủng loại**

- Căn cứ Luật Dân sự được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/6/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/6/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ vào Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ thông tư 27/2009/TT-BXD ngày 31/07/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/07/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCNVN khóa XIII thông qua ngày 24/11/2015, hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày 03 tháng 14 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Cổ phần HALA Việt Nam, chúng tôi gồm có:

**BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẠT PHƯƠNG SỐ 1 (Sau đây gọi tắt là bên A)**

Địa chỉ : Tầng 12A, tòa nhà Handico, Khu đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế : 0109936615

Người đại diện : Ông **Lê Hoàng Mai** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Tài khoản : 2208222999

Tại : ngân hàng TMCP đầu tư và PT Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long



**BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM (Sau đây gọi tắt là bên B)**

Địa chỉ : Lô CN03, Cụm Công Nghiệp số 3, Phường Thuận Thành, Thành phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Mã số thuế : 4601571781

Người đại diện : Ông **Bùi Xuân Hải** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Số điện thoại : 0914756886

Tài khoản : 118604262999

Tại : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh

*Sau khi thương thảo bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng nguyên tắc “cung cấp thép xây dựng” phục vụ thi công các dự án gồm các điều khoản như sau:*

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

**1.1 Đối tượng hợp đồng:**

- Thông số kỹ thuật hàng hóa: Thép cán cuộn, thép thanh vằn L = 11.7m và các loại thép khác khi có nhu cầu
- Chung loại/xuất xứ: Thép Việt Đức, VAS, Hòa Phát, Việt Ý, Việt Nhật, Tungho, Shengli, Kyoei, v.v... tùy theo từng yêu cầu dự án cụ thể.

**1.2 Chất lượng hàng hóa:**

- Chất lượng của hàng hóa và quy cách đóng gói đúng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
- Hàng mới, nguyên thanh nguyên cuộn, có đầy đủ Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất

**ĐIỀU 2: GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

**2.1 Đặt hàng:**

- Khi có nhu cầu, Bên A gửi Thư mời chào giá/Đơn đặt hàng cho Bên B. Đơn đặt hàng của Bên A phải ghi đầy đủ thông tin: Số lượng từng chủng loại, thời gian giao nhận hàng, đợt giao hàng, địa điểm nhận hàng, người uỷ quyền được nhận hàng, số điện thoại người nhận, nơi giao nhận, tài liệu chứng minh nguồn gốc/chất lượng của hàng hóa
- Bên B sẽ thông tin đầy đủ cho Bên A nội dung về hàng hóa trên cơ sở Đơn đặt hàng của Bên A thông qua việc cung cấp Báo giá kiêm xác nhận đơn hàng
- Giá mua hàng hóa theo Hợp đồng này là giá được nhà cung cấp công bố theo thời điểm được hai bên xác nhận bằng Báo giá kiêm xác nhận đơn hàng hoặc đơn đặt hàng
- Trên cơ sở xác nhận bằng báo giá hoặc trên đơn/thông báo đặt hàng của Bên A và khả năng cung cấp hàng, trong vòng 24h, Bên B xác nhận và thông báo lịch giao hàng cho Bên A để Bên A sắp xếp bố trí mặt bằng tiếp nhận.

**2.2 Giao hàng:**

78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90

- Địa điểm giao hàng: Bên B giao hàng cho Bên A tại công trình trên phương tiện vận chuyển của Bên B. Địa điểm giao cụ thể thể hiện theo từng đơn hàng
- Bên B có quyền từ chối không vận chuyển hàng hóa vào công trình trong trường hợp địa điểm giao hàng bị ngập lụt, lầy lội, mất an toàn giao thông, cầu hẹp...
- Thời gian giao hàng: được hai bên thống nhất theo từng đơn đặt hàng, có thể giao toàn bộ hoặc giao từng đợt
- Vị trí xếp đặt: Bên B giao hàng cho công trình xây dựng của Bên A trên phương tiện vận chuyển của Bên A và Bên A chịu trách nhiệm bốc dỡ, sắp xếp vào kho bãi

### **2.3 Nghiệm thu hàng hóa**

- Bên B phải thực hiện và cung cấp cho Bên A đúng quy định về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật như sau:
  - Các chủng loại thép được mua bán được đóng gói theo đúng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
  - Hàng hóa phải đảm bảo đúng xuất xứ từ nhà sản xuất, nguyên đai, nguyên kiện hoặc cây rời
  - Mỗi lô hàng khi giao nhận có Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của Nhà sản xuất đi kèm
- Sau khi Bên B giao hàng tại công trình của Bên A, cán bộ phụ trách của hai bên sẽ tiến hành kiểm đếm và thí nghiệm (nếu cần)
- Sau khi nhận hàng bên mua phải bảo quản hàng chống rỉ sét, giảm chất lượng, trước khi đưa vào sử dụng và thí nghiệm (Bên bán không chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng với hàng hóa đã đưa vào sử dụng trước khi thí nghiệm hoặc đã đưa vào sử dụng mà không đạt chất lượng)
- Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận hàng, nếu kết quả thí nghiệm của hàng hóa không đạt, Bên A có quyền khiếu nại về chất lượng. Hai bên thống nhất đi kiểm nghiệm tại Quatest hoặc cơ quan tương đương. Nếu kết quả tiếp tục không đạt thì Bên B phải có trách nhiệm lập tức thay thế toàn bộ số hàng không đạt tiêu chuẩn và đảm bảo không ảnh hưởng đến tiến độ thi công của Bên A (Chi phí thí nghiệm do bên sai chịu).

## **ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

**3.1 Đồng tiền thanh toán:** Đồng Việt Nam (VNĐ)

**3.2 Hình thức thanh toán:** Chuyển khoản qua ngân hàng được Bên B cung cấp

**3.3 Thời hạn thanh toán:** Theo từng đơn đặt hàng hoặc báo giá

**3.4 Hồ sơ thanh toán:**

- Đề nghị thanh toán: 01 bản;
- Báo giá kiêm xác nhận đơn hàng hoặc đơn đặt hàng: 01 bản;
- Biên bản giao nhận hàng hóa: 01 bản;
- Biên bản đối chiếu khối lượng/công nợ: 02 bản;
- Chứng chỉ chất lượng: 01 bản gốc của nhà máy, 07 bản sao y của bên B;
- Hoá đơn GTGT;

## **ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

- Tuân thủ pháp luật và các quy định trong khi thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Bên A chịu trách nhiệm bố trí mặt bằng, xếp dỡ và hạ hàng ngay khi xe đến địa điểm giao hàng, tạo mọi điều kiện hỗ trợ Bên B thực hiện việc giao hàng hóa theo đúng thời hạn đã được thỏa thuận trong đơn/ thông báo đặt hàng. Thực hiện công tác giao nhận và nghiệm thu hàng hóa sau khi Bên B giao hàng. Trong trường hợp đường vào không đảm bảo cho xe di chuyển, hạ hàng, chi phí chuyển tải, hạ hàng do Bên A chi trả
- Cử cán bộ kiểm tra, ký xác nhận hàng hóa để giải phóng phương tiện giao hàng được nhanh chóng.
- Trường hợp sau 06 giờ kể từ khi hàng đến công trình mà Bên A không thực hiện việc xếp dỡ hàng thì Bên A phải chịu chi phí lưu xe / thời gian lưu xe là 2.000.000 đồng/1 ngày/ 1 ca xe (chưa bao gồm thuế GTGT)
- Yêu cầu bên B cung cấp hàng đầy đủ, đảm bảo đúng chất lượng, quy cách theo hợp đồng
- Thanh toán kịp thời, đúng hạn cho Bên B. Trường hợp Bên B đã giao hàng mà Bên A chậm thanh toán cho Bên B, Bên A sẽ bị tính lãi chậm trả bằng mức lãi suất tiền vay niêm yết của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) cho kỳ hạn 04 tháng áp dụng cùng thời điểm. Thời gian tính phạt chậm thanh toán: Ngày kế tiếp sau thời hạn thanh toán
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

- Tuân thủ pháp luật và các quy định trong khi thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng
- Kiểm tra hàng trước khi giao, thực hiện việc kiểm tra và phối hợp với Bên A đảm bảo cung cấp, giao hàng hóa cho Bên A theo đúng yêu cầu quy định về tiến độ giao hàng
- Phối hợp với Cán bộ công trường của Bên A để đảm bảo giao hàng đúng thời hạn theo Đơn đặt hàng
- Chịu trách nhiệm cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của Nhà sản xuất cho Bên A theo từng đơn đặt hàng được giao đến. Cung cấp kịp thời các tài liệu có liên quan khi được yêu cầu theo thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 6: BẤT KHẢ KHÁNG**

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, sóng thần, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng và được miễn trách nhiệm bồi thường, phạt đối với bên còn lại
- Sự kiện bất khả kháng tác động trực tiếp và là nguyên nhân trực tiếp và gần nhất làm cho Bên đó bị cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện Hợp đồng. Việc thanh toán giá trị Hợp đồng vẫn thực hiện đúng theo nội dung Hợp đồng đã ký

- Trong mọi trường hợp, điều khoản Bất khả kháng không được áp dụng bởi Bên mua với mục đích trốn tránh các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ Hợp đồng
- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình. Hồ sơ về các sự kiện bất khả kháng làm chậm tiến độ Hợp đồng được cấp có thẩm quyền chấp nhận
- Nếu do hậu quả của Sự kiện bất khả kháng mà một bên hoặc các bên không thể tiếp tục thực hiện được các thỏa thuận tại Hợp đồng này trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng thì các bên có quyền chấm dứt Hợp đồng và Bên mua có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị hàng hóa đã nhận cho Bên bán.

## ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG:

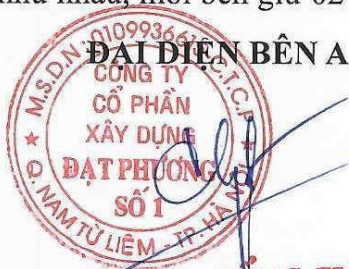
### 7.1 Hiệu lực Hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết cho đến ngày 31/12/2024. Trường hợp hai bên muốn gia hạn thì ký Phụ lục Hợp đồng để tiếp tục thực hiện.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản quy định trong Hợp đồng.
- Sau ngày hết hiệu lực của Hợp đồng mà còn đơn hàng đã giao mà chưa thanh toán thì Hợp đồng này vẫn còn hiệu lực.
- Sau khi hết hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ thì Hợp đồng tự động thanh lý.
- Hợp đồng này bị chấm dứt khi:
  - 10 ngày sau khi nghĩa vụ thanh toán, quyết toán của Hợp đồng đã thực hiện xong mà hai bên không có bất kỳ vấn đề gì vướng mắc hay khiếu nại bằng văn bản, thì Hợp đồng được thanh lý.
  - Hai bên cùng thống nhất thanh lý Hợp đồng trước khi hết hiệu lực.

### 7.2 Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

- Trong trường hợp có thay đổi bất kỳ nội dung nào của Hợp đồng này thì hai bên phải cùng nhau bàn bạc, thống nhất để lập Phụ lục Hợp đồng trước khi thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh tranh chấp mà đôi bên không tự giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Tòa án là Quyết định cuối cùng, có giá trị thi hành đối với các bên.
- Giới hạn về trách nhiệm pháp lý: Dịch vụ không thực hiện được do tai họa thiên nhiên, địch họa, cháy nổ, phá hoại hoặc các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật. Các bên sẽ cùng thông báo cho nhau, bàn bạc thương lượng để thống nhất tiếp tục thực hiện hoặc chấm dứt Hợp đồng.

**7.3 Số lượng và giá trị văn bản:** Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.



TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Bùi Xuân Hải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**

Số: 1303/2024/HĐNT/VNTRACO-HALA

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế tùy từng thời điểm;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế tùy từng thời điểm;
- Căn cứ vào năng lực và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ Giao Thông Việt Nam, chúng tôi gồm Các Bên dưới đây:

**BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO THÔNG VIỆT NAM**

Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Dũng** Chức vụ : Tổng Giám đốc  
Địa chỉ : Số 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Mã số thuế : 4400734595 Điện thoại: 057.3828382  
Tài khoản số : 115000094029 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Phú Yên  
2226 6688 889 tại Ngân hàng TP Bank – CN Bắc Thăng Long  
297316389 tại Ngân hàng VP Bank – CN Hội Sở  
865 000 5151 tại Ngân hàng BIDV – CN Nam Hà Nội.

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

**VÀ**

**BÊN BÁN : CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM**

Đại diện : Ông **Bùi Xuân Hải** Chức vụ : Tổng Giám đốc  
Địa chỉ : Lô CN03, Cụm Công Nghiệp số 3, Phường Thuận Thành, Thành phố Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam  
Mã số thuế : 4601571781 Điện thoại: 0914756886  
Tài khoản số : 118604262999 – Tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Đông Anh

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**” tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:

## **ĐIỀU 1. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA**

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **Hợp Đồng:** được hiểu là Hợp Đồng nguyên tắc mua bán Hàng Hóa này ký giữa Bên A và Bên B, bao gồm các Phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có).
- 1.2. **Đơn Đặt Hàng:** được hiểu là yêu cầu mua hàng của Bên A tại từng thời điểm và bao gồm các nội dung sau: loại Hàng Hóa, thời gian giao hàng, hồ sơ giao nhận Hàng Hóa, địa điểm giao hàng, đơn giá, chất lượng, các yêu cầu và nội dung khác (nếu có).
- 1.3. **Hàng Hóa:** được hiểu là Thép, Xi măng, Cát san lấp, Đất, Đá và các loại vật liệu xây dựng khác... mà Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua theo đúng tên Hàng Hóa, mô tả, công dụng, quy cách, số lượng, chất lượng, xuất xứ được quy định tại Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc tại từng Đơn Đặt Hàng.
- 1.4. **Bên Thứ Ba:** được hiểu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng này.
- 1.5. **Ngày hoặc ngày:** được hiểu là ngày dương lịch và **Tháng hoặc tháng:** được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.6. **Ngày Làm Việc:** Được hiểu là bất kỳ ngày nào, trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **ĐIỀU 2. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

- 2.1. Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua Hàng Hóa được quy định tại Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.
- 2.2. Yêu cầu chất lượng Hàng Hóa
  - Hàng Hóa do Bên B cung cấp cho Bên A đảm bảo mới 100%, có nguồn gốc xuất xứ theo yêu cầu của Bên A, logo nhãn hiệu rõ ràng. Hàng Hóa đạt tiêu chuẩn như đã đăng ký trong bản công bố chất lượng Hàng Hóa của nhà sản xuất và có giấy tờ chứng minh đầy đủ, đạt yêu cầu của Bên A, đạt chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án và được Bên A (hoặc Ban Điều hành Bên A) nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng.
  - Các yêu cầu chất lượng khác theo quy định chi tiết tại Phụ Lục Hợp Đồng/từng Đơn Đặt Hàng.
- 2.3. Số lượng Hàng Hóa: quy định chi tiết tại từng Phụ Lục Hợp Đồng/Đơn Đặt Hàng.

## **ĐIỀU 3. GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

- 3.1. **Thời gian giao hàng:** Theo yêu cầu của Bên A tại từng Đơn Đặt Hàng.

**3.2. Địa điểm giao hàng:** Theo yêu cầu của Bên A tại từng Đơn Đặt Hàng.

**3.3. Thủ tục giao hàng:**

a) Gửi Đơn Đặt Hàng:

Khi có nhu cầu sử dụng Hàng Hóa, Bên A sẽ gửi Đơn Đặt Hàng qua email hoặc bằng văn bản (có đầy đủ chữ ký và đóng dấu của người đại diện có thẩm quyền của Bên A) theo số email/địa chỉ nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này cho Bên B trước ít nhất 2-3 ngày trước ngày dự kiến giao hàng, trong đó ghi rõ tên Hàng Hóa, số lượng, đơn giá, chủng loại, địa điểm, thời gian giao nhận Hàng Hóa, việc tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng... và các nội dung khác được quy định theo Hợp đồng này. Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được Đơn Đặt Hàng của Bên A, Bên B xác nhận với Bên A về việc cung cấp Hàng Hóa của Bên B. Trường hợp giao dịch qua email thì trong thời hạn 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày xác nhận trên bản scan hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận của Các Bên, Các Bên phải hoàn thành việc ký và đóng dấu trên bản gốc Đơn Đặt Hàng (số lượng 04 bản gốc, mỗi bên giữ 02 bản) để làm căn cứ lưu hồ sơ và phục vụ thanh toán. Các Đơn Đặt Hàng này là một phần gắn liền, không tách rời khỏi Hợp đồng.

b) Thông báo trước khi giao hàng:

Trước khi giao hàng của mỗi đợt giao hàng, Bên B phải gửi thông báo bao gồm các thông tin về: Hàng hoá được giao, quy cách, số lượng, biển số xe, người giao hàng (Họ tên, giấy tờ pháp lý, số điện thoại), thông tin kèm Văn bản ủy quyền của người được Bên B ủy quyền để thực hiện các công việc khi giao nhận hàng (ký hồ sơ giao nhận hàng theo quy định,...), thời gian xe bắt đầu di chuyển và dự kiến thời gian đến.... qua điện thoại, email, văn bản theo địa chỉ nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này cho Bên A trước ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận giữa Các Bên. Nếu Bên B vi phạm quy định này thì Bên A có quyền nhận hoặc không nhận hàng. Nếu Bên A nhận hàng thì toàn bộ chi phí phát sinh khi giao hàng sẽ do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không thể giao hàng đúng ngày quy định tại Khoản 3.1 Điều này, Bên B phải thông báo trước cho Bên A bằng văn bản trước ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc và phải chịu phạt như quy định tại Điều 11 Hợp Đồng này.

c) Hồ sơ giao nhận Hàng Hóa: Theo yêu cầu của Bên A quy định tại từng Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.

d) Lập biên bản giao nhận Hàng Hóa

Tại thời điểm bàn giao của mỗi đợt giao Hàng Hóa và Bên A đồng ý nhận Hàng Hóa, Hai Bên sẽ cùng nhau lập Biên bản giao nhận Hàng Hóa ("**Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa**") do đại diện có thẩm quyền của Hai Bên cùng ký, trong đó ghi rõ Hàng Hóa được bàn giao, số lượng Hàng Hóa được bàn giao. Trường hợp phát hiện Hàng Hóa có lỗi so với yêu cầu tại Hợp Đồng này nhưng Bên A vẫn quyết định nhận bàn giao Hàng Hóa có lỗi này và yêu cầu Bên B phải sửa chữa hoặc

thay thế mới, Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa sẽ ghi nhận số Hàng Hóa có lỗi này và yêu cầu sửa chữa/thay thế mới của Bên A. Trong trường hợp đó, Bên A sẽ không phải thanh toán đối với Hàng Hóa có lỗi này cho đến khi Bên A chấp nhận các sửa chữa/thay thế mới của Bên B.

- e) Hai Bên thống nhất rằng việc Bên A nhận Hàng Hóa và ký vào Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa không loại trừ quyền trả lại Hàng Hóa và/hoặc quyền yêu cầu đổi Hàng Hóa nếu Hàng Hóa không đảm bảo yêu cầu nêu tại Hợp Đồng này và không loại trừ trách nhiệm đảm bảo chất lượng Hàng Hóa và bảo hành Hàng Hóa của Bên B theo quy định của Hợp Đồng này và pháp luật.

#### **3.4. Nghiệm thu Hàng Hóa**

Ngay sau khi Hai Bên ký Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa của từng Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng, Hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu Hàng Hóa:

- a) Trường hợp Bên A xác định Hàng Hóa đủ điều kiện để nghiệm thu thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B và Hai Bên sẽ ký biên bản nghiệm thu Hàng Hóa ("**Biên Bản Nghiệm Thu Hàng Hóa**").
- b) Trường hợp phát hiện Hàng Hóa chưa đủ điều kiện để nghiệm thu thì trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận hàng, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản và Bên B có nghĩa vụ giao Hàng Hóa thay thế trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Việc bàn giao và nghiệm thu Hàng Hóa thay thế được thực hiện theo quy định của khoản 3.3 và khoản 3.4 Điều 3 Hợp Đồng này. Đồng thời Bên B sẽ bị phạt theo quy định của Hợp Đồng.

#### **ĐIỀU 4. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

- 4.1 Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng:** Theo yêu cầu của Bên A tại từng Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng (nếu có).
- 4.2 Bảo Lãnh Tạm Ứng:** Theo yêu cầu của Bên A tại từng Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng (nếu có).

#### **ĐIỀU 5. ĐƠN GIÁ VÀ THANH TOÁN**

##### **5.1. Đơn Giá**

- a) Đơn giá của mỗi sản phẩm thuộc Hàng Hóa được nêu chi tiết tại Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng và phải được Hai Bên thống nhất trước khi thực hiện.
- b) Đơn giá các sản phẩm Hàng Hóa nêu tại Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng là cố định trong thời gian quy định tại Phụ Lục Hợp Đồng hoặc từng Đơn Đặt Hàng, cụ thể theo từng đơn đặt hàng. Bên B gửi báo giá theo yêu cầu của Bên A và được Bên A chấp thuận và xác nhận đặt hàng. Đơn Giá/Giá trị Hàng Hóa tại Phụ Lục Hợp Đồng hoặc từng Đơn Đặt Hàng đã bao gồm giá trị Hàng Hóa, toàn bộ các loại thuế (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng), chi phí vận chuyển đến địa điểm giao nhận, bốc, dỡ Hàng Hóa (nếu có), phí, lệ phí và toàn

TH  
DỊCH  
/TH

TH  
DỊCH  
/NA

bộ các chi phí khác để Bên B hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng này.

- c) Bên B cam kết sẽ cung cấp Hàng Hóa cho Bên A với giá bán tốt nhất theo chính sách bán hàng của Bên B tại thời điểm đó.

## **5.2. Thanh Toán:**

Theo 2 phương thức thanh toán:

- Phương thức 1: Trước ngày 25 của tháng liền kề, kể từ ngày Hai Bên ký vào Biên Bản Xác Nhận Số Lượng Hàng Hóa và Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ giá trị Hàng Hóa Bên B đã giao cho Bên A và đã được Bên A nghiệm thu của tháng trước đó và trừ đi các khoản tiền sau: tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và các khoản phải thanh toán hoặc hoàn trả khác thuộc về nghĩa vụ của Bên B (nếu có).
- Phương thức 2: Theo điều khoản thanh toán cụ thể ở từng Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng (nếu có).

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Hợp Đồng đã được Các Bên ký kết: bản sao;
- Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc Đơn Đặt Hàng có xác nhận của Bên A: bản gốc;
- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B: bản gốc;
- Các Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa của từng Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng trong tháng có xác nhận của Bên A: bản gốc;
- Các Biên Bản Nghiệm thu Hàng Hóa của từng Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng có xác nhận của Bên A: Bản gốc;
- Hồ sơ giao nhận Hàng Hóa theo quy định tại điểm c khoản 3.3 Điều 3 Hợp Đồng: bản sao;
- Biên bản đối chiếu công nợ: bản gốc;
- Hóa đơn tài chính hợp lệ theo quy định của bộ tài chính tương ứng với giá trị thanh toán: bản điện tử;

## **5.3. Đồng tiền và phương thức thanh toán**

- a) Việc thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B như được nêu chi tiết ở phần đầu của Hợp Đồng này.
- b) Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam (VNĐ).

## **ĐIỀU 6. BẢO HÀNH**

- 6.1. Bên B có nghĩa vụ bảo hành Hàng Hóa theo nội dung, điều kiện và quy định theo nhà sản xuất Hàng Hóa.
- 6.2. Thời gian bảo hành được quy định theo từng Đơn Đặt Hàng và được tính kể từ ngày Hai Bên ký Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa của từng Đơn Đặt Hàng theo

quy định tại Hợp Đồng này.

- 6.3. Trong thời gian bảo hành quy định tại Điều này, khi có bất kỳ sự cố hoặc hư hỏng nào được phát hiện, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng điện thoại/email /công văn về những lỗi của Hàng Hóa có liên quan đến quy cách, chất lượng của Hàng Hóa. Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm đến hiện trường nơi sử dụng Hàng Hóa để tiến hành kiểm tra, sửa chữa, và/hoặc thay thế Hàng Hóa mới theo yêu cầu của Bên A. Mọi chi phí phát sinh do Bên B chịu trách nhiệm.
- 6.4. Trong trường hợp khẩn cấp theo thông báo yêu cầu bảo hành của Bên A hoặc sau thời hạn quy định tại khoản 6.3 Điều 6 Hợp Đồng này mà Bên B không cử cán bộ kỹ thuật đến bảo hành Hàng Hóa thì Bên A có quyền tự sửa chữa/thuê Bên Thứ Ba sửa chữa hoặc thay thế Hàng Hóa. Mọi chi phí liên quan đến sửa chữa, thay thế này do Bên B chịu trách nhiệm thanh toán.
- 6.5. Trong trường hợp cần phải thay thế Hàng Hóa đó, mà Bên B không có hàng sẵn thì Bên B phải đặt hàng từ nhà sản xuất về để thay thế cho Bên A trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bảo hành của Bên A. Mọi chi phí liên quan đến đặt hàng và việc vận chuyển Hàng Hóa để thay thế sẽ do Bên B chịu trách nhiệm thanh toán. Quá thời hạn trên mà Bên B không cung cấp được Hàng Hóa để thay thế thì Bên A có quyền mua Hàng Hóa từ Bên Thứ Ba khác để thay thế. Mọi chi phí liên quan mua Hàng Hóa thay thế này do Bên B chịu trách nhiệm thanh toán.
- 6.6. Bên B có nghĩa vụ thực hiện bảo hành Hàng Hóa trong mọi trường hợp, kể cả khi Bên A đã chuyển giao/bán Hàng Hóa cho các Bên Thứ Ba khác ("**Bên Nhận Chuyển Giao**") với điều kiện Bên Nhận Chuyển Giao sử dụng Hàng Hóa theo đúng các điều kiện của Hợp Đồng, từng Phụ lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.

#### **ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

- 7.1. Có quyền không nhận Hàng Hóa nếu Hàng Hóa được giao không phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.
- 7.2. Có quyền yêu cầu Bên B giao Hàng Hóa theo đúng tiến độ quy định tại Hợp Đồng này, từng Phụ lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.
- 7.3. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình triển khai thực hiện bàn giao Hàng Hóa .
- 7.4. Cử đại diện nhận Hàng Hóa, kiểm tra số lượng và chất lượng Hàng Hóa và ký Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa sau khi kiểm tra đạt yêu cầu của Hợp Đồng này.
- 7.5. Có trách nhiệm thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.
- 7.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

#### **ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

- 8.1. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện, năng lực, ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật và có đủ chấp thuận/phê duyệt nội bộ cần thiết theo quy định nội bộ của Bên B để ký kết và thực hiện Hợp Đồng.
- 8.2. Cung cấp kịp thời, đúng, đủ số lượng, chất lượng Hàng Hóa và giao Hàng Hóa theo đúng tiến độ, địa điểm quy định tại Hợp Đồng này, từng Phụ lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.
- 8.3. Cử người được ủy quyền hợp pháp để thực hiện thủ tục giao nhận Hàng hoá với Bên A. Người được ủy quyền phải xuất trình đầy đủ giấy tờ chứng minh công việc được ủy quyền theo yêu cầu của Bên A tại thời điểm giao nhận Hàng Hoá.
- 8.4. Bằng chi phí của mình, tự chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn an toàn, an ninh Hàng Hóa cho đến thời điểm Bên B bàn giao xong Hàng Hóa cho Bên A.
- 8.5. Bên B chịu các chi phí liên quan đến vận chuyển, bốc dỡ Hàng Hóa đến địa điểm giao nhận theo yêu cầu của Bên A.
- 8.6. Được thanh toán theo đúng hình thức và thời hạn thanh toán quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.
- 8.7. Bằng chi phí của mình, thực hiện bảo hành Hàng Hóa theo quy định của Hợp Đồng này, từng Phụ lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.
- 8.8. Theo yêu cầu của Bên A, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm đổi lại toàn bộ số Hàng Hóa không đạt yêu cầu về chất lượng, chủng loại, quy cách theo quy định của Hợp Đồng này và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng.
- 8.9. Đảm bảo quyền sở hữu hợp pháp đối với Hàng Hóa. Hàng Hóa hiện không là đối tượng của bất kỳ biện pháp cầm cố, thế chấp hay biện pháp bảo đảm khác nào, không là đối tượng của bất kỳ tranh chấp nào làm ảnh hưởng đến quyền của Bên B trong việc cung cấp Hàng Hóa cho Bên A theo Hợp Đồng này, từng Phụ lục Hợp Đồng và/hoặc từng Đơn Đặt Hàng. Trong trường hợp Hàng Hóa bị xử lý bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc bị tranh chấp bởi Bên Thứ Ba; hoặc do lỗi của Bên B dẫn đến việc Bên A không thể quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng được Hàng Hóa đúng với tính chất, chức năng, công dụng của Hàng Hóa thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B thực hiện một hoặc một số hoặc tất cả các biện pháp sau:
  - a) Bên B phải đổi Hàng Hóa khác tương đương được Bên A chấp thuận cho Bên A.
  - b) Bên B phải bồi thường cho Bên A một khoản tiền bằng với giá trị Hàng Hóa mới tương đương được Bên A chấp thuận tại thời điểm vi phạm xảy ra.
  - c) Bên B phải chịu phạt vi phạm theo quy định của Hợp Đồng này.
- 8.10. Trong trường hợp do quá trình vận chuyển Hàng Hóa mà một phần lô hàng bị hỏng hóc thì Bên B sẽ thay mới hoàn toàn phần hàng lỗi đó cho Bên A trong thời hạn mà Bên A yêu cầu. Mọi chi phí phát sinh do đổi hàng lỗi do Bên B chịu.
- 8.11. Bên B cam kết, tất cả các nghĩa vụ thuộc trách nhiệm Bên B phải thanh toán và/hoặc hoàn trả cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này (nếu có) thì Bên B

phải thực hiện thanh toán cho Bên A trong thời hạn Bên A yêu cầu, nếu chậm thanh toán thì Bên B phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 0,05%/ngày (không phải không năm phần trăm trên một ngày) tại thời điểm chậm trả tính trên số tiền và số ngày chậm trả.

8.12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG**

9.1. Trong Hợp Đồng, "**Bất khả kháng**" có nghĩa là sự kiện, tình huống hoặc sự kết hợp các sự kiện hoặc tình huống được mô tả ở khoản 9.2 Điều này làm ngăn cản toàn bộ hay một phần, gây trì hoãn cho một hoặc Các Bên trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này.

9.2. Bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các trường hợp sau:

- a) Các hiện tượng tự nhiên bao gồm thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, sóng thần, xoáy lốc, hạn hán, động đất cao hơn cấp thiết kế, sấm sét cao hơn mức thiết kế.
- b) Chiến tranh, hành động xâm lược, khủng bố, bạo loạn, nội chiến, hoặc các hành động thù địch khác.

9.3. Thông báo:

Bên Bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn 01 (một) ngày kể từ sau khi thông tin liên lạc đã sẵn sàng phục hồi. Bất cứ thông báo nào cũng sẽ bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng, tác động của nó với Bên Bị ảnh hưởng đối với việc thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Bên Bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

9.4. Hậu quả của Bất khả kháng:

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm Hợp Đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng khi xảy ra Bất khả kháng. Ngay sau khi sự cố Bất khả kháng chấm dứt, Các Bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp Đồng nếu không có yêu cầu nào khác từ một trong Các Bên.

9.5. Nếu một Bên do Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định Hợp Đồng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra Bất khả kháng, thì một trong Các Bên sau đó đều có quyền chấm dứt Hợp Đồng. Thông báo về việc chấm dứt Hợp Đồng phải được gửi tới Bên còn lại tối thiểu là 30 (ba mươi) ngày trước khi chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ được coi là chấm dứt sau khi hết hạn thông báo đó.

- 9.6. Bất cứ nghĩa vụ nào của Mỗi Bên nảy sinh trước khi xuất hiện Bất khả kháng đều không được miễn trừ do sự xuất hiện Bất khả kháng.

#### **ĐIỀU 10. CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ**

- 10.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng giám đốc, nhân viên, người lao động, đại lý hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A (gọi chung là "**Người Của Bên B**") sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là "**Hối Lộ**"), cho bất kỳ giám đốc, nhân viên, người lao động hoặc đại diện của Bên A (gọi chung là "**Người Của Bên A**") hoặc (ii) thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và/hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.
- 10.2. Các hành vi Hối Lộ theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A.
- 10.3. Nếu Bên B vi phạm quy định tại Điều này, Bên A có quyền, tùy từng thời điểm xảy ra hoặc phát hiện ra hành vi Hối Lộ, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:
- Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết Hợp Đồng thông qua việc đấu thầu.
  - Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ và tùy quyết định của Bên A, phạt Bên B một khoản tiền **100.000.000** đồng (*một trăm triệu đồng*) cho một hành vi Hối Lộ và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào và Bên B phải bồi thường cho Bên A các khoản thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng này, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng, đã thanh toán cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp Đồng khi Hợp Đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B.
  - Đưa Bên B vào danh sách các nhà thầu cần phải kiểm soát khi tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ/Hàng Hóa khác hoặc không được tham gia chào thầu Hàng Hóa/dịch vụ cho Bên A.
  - Chuyển hồ sơ cho cơ quan Điều tra nếu hành vi Hối Lộ có dấu hiệu vi phạm Luật Hình Sự.
- 10.4. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

#### **ĐIỀU 11. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- 11.1. Nếu Bên B chậm giao hàng không do sự kiện Bất khả kháng và/hoặc không do

lỗi của Bên A và/hoặc không được Bên A chấp thuận, Bên B sẽ bị phạt 01% (một phần trăm) giá trị Hàng Hóa chậm giao cho mỗi ngày chậm giao Hàng Hóa nhưng không được vượt quá 08 (tám) ngày. Trường hợp quá 08 ngày thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp Đồng và Bên B phải chịu phạt khoản tiền không quá 8% (tám phần trăm) Giá Trị Đơn Đặt Hàng và đền bù thiệt hại do việc chậm trễ của Bên B gây ra. Trong trường hợp này, Bên A sẽ gửi thông báo về việc chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp Đồng cho Bên B trước 03 ngày, sau khoảng thời gian này Hợp Đồng được tự động chấm dứt.

- 11.2. Nếu Bên B giao không đúng hoặc không giao đủ Hàng Hoá hoặc không đảm bảo chất lượng Hàng Hoá theo quy định của Hợp Đồng, Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc Đơn Đặt Hàng, Bên B phải thay thế/bổ sung Hàng Hóa đạt yêu cầu cho Bên A trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A. Nếu vi phạm nghĩa vụ này quá 01 lần, Bên B sẽ bị phạt 01% (một phần trăm) giá trị Hàng Hóa không đạt yêu cầu cho mỗi lỗi vi phạm tiếp theo. Đồng thời, nếu Bên B chậm giao Hàng Hóa thay thế/bổ sung theo quy định tại khoản 11.2 Điều 11 thì Bên B sẽ bị phạt chậm giao hàng như quy định tại khoản 11.1 Điều 11 Hợp Đồng.
- 11.3. Không mâu thuẫn các điều khoản khác, nếu Bên B đơn phương đình chỉ, chấm dứt Hợp Đồng này không có lý do chính đáng được Bên A chấp thuận và/hoặc Hàng Hóa không đảm bảo chất lượng và/hoặc Bên B vi phạm các nghĩa vụ khác của Hợp Đồng, Bên B sẽ bị phạt 8% (tám phần trăm) giá trị Đơn Đặt Hàng, đồng thời Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại mà Bên A phải gánh chịu do việc đình chỉ, chấm dứt, vi phạm Hợp Đồng của Bên B và Bên B phải hoàn trả cho Bên A các khoản tiền đã nhận của Bên A.
- 11.4. Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi cho những ngày chậm thanh toán theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng, lãi trả cuối kỳ do Ngân hàng Vietinbank công bố tại thời điểm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán.

## **ĐIỀU 12. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 12.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày Các Bên ký kết và đóng dấu hợp lệ vào Hợp Đồng.
- 12.2. Hợp Đồng này/Đơn Đặt Hàng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:
- a) Khi Hai Bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng. Trường hợp này, Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhau theo văn bản thỏa thuận chấm dứt.
  - b) Khi Bên A không có nhu cầu tiếp tục mua Hàng Hóa của Bên B. Trong trường hợp này, Bên A sẽ thông báo cho Bên B ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày chấm dứt Hợp Đồng và Bên A không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ nào và/hoặc phạt vi phạm Hợp Đồng do việc chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thông báo.
  - c) Trừ trường hợp quy định khác trong Hợp Đồng, khi Một Bên vi phạm các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng, từng Phụ lục Hợp Đồng và/hoặc Đơn Đặt

Hàng nhưng không chấm dứt việc vi phạm và khắc phục hậu quả trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt/ khắc phục vi phạm của Bên kia, Bên Bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm. Thông báo về việc chấm dứt Hợp Đồng phải được gửi tới Bên còn lại tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày trước khi chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ được coi là chấm dứt sau khi hết hạn thông báo đó.

- d) Trong trường hợp Bất khả kháng theo quy định tại Điều 9 của Hợp Đồng này.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng và quy định pháp luật.

**12.3. Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng/Đơn Đặt Hàng**

Ngay khi có thông báo chấm dứt Hợp Đồng/Đơn Đặt Hàng theo một trong các trường hợp tại điểm b, c, d, e khoản 12.2 Điều này thì:

- a) Bên B phải ngừng ngay việc cung cấp Hàng Hóa cho Bên A. Hai Bên sẽ lập Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa đối với số lượng Hàng Hóa Bên B đã giao và được Bên A nghiệm thu.
- b) Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán đối với số lượng Hàng Hóa đã được Bên A nhận bàn giao và nghiệm thu và trừ đi: tiền đã tạm ứng, tiền đã thanh toán tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và các khoản phải trả khác thuộc về nghĩa vụ của Bên B (nếu có). Hồ sơ thanh toán, thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán được thực hiện như quy định tại Điều 5 Hợp Đồng này. Trường hợp sau khi đối trừ mà số tiền Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A vượt quá số tiền mà Bên A phải thanh toán cho Bên B theo Hợp Đồng này thì Bên B phải thanh toán phần chênh lệch thiếu đó cho Bên A trong thời hạn Bên A yêu cầu.

**ĐIỀU 13. TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

**13.1.** Mọi thông báo, tài liệu, trao đổi thông tin giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này phải bằng văn bản và gửi theo địa chỉ của các Bên nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này hoặc địa chỉ theo thông báo bằng văn bản của các Bên khi có sự thay đổi (nếu có) như quy định tại khoản 13.4 Điều này.

**13.2.** Việc gửi thông báo, tài liệu được thực hiện thông qua: email, fax, thư bảo đảm, giao nhận trực tiếp giữa các Bên hoặc qua các pháp nhân, cá nhân khác.

**13.3.** Thông báo, tài liệu giao dịch được coi là đã nhận vào các thời điểm dưới đây:

- Vào thời điểm nhận (nếu chuyển trực tiếp và có biên nhận); hoặc
- Vào thời điểm gửi email; hoặc
- Ngày làm việc liền sau ngày văn bản được gửi bằng thư bảo đảm (có dấu bưu điện hoặc chứng từ chuyển phát); hoặc
- Ngày làm việc liền ngay sau ngày văn bản được gửi bằng fax và khi gửi máy fax đã thông báo gửi và nhận thành công.

**13.4.** Bất kỳ Bên nào có thể thay đổi địa chỉ nhận thư bằng cách gửi văn bản thông báo về sự thay đổi đó cho Bên kia trong thời hạn 03 (ba) ngày trước khi có sự thay đổi. Nếu Bên thay đổi thông tin liên lạc mà không thông báo cho Bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi thông tin mà không thông báo, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác.

**ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**14.1. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp**

Hợp Đồng này được điều chỉnh, diễn giải và thực hiện phù hợp với pháp luật Việt Nam. Trường hợp có tranh chấp xảy ra, Hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần thương lượng. Nếu Hai Bên không tự giải quyết được thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền nơi Bên A đặt trụ sở chính. Phán quyết của Toà án có giá trị bắt buộc tuân thủ cho cả Hai Bên. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ kiện sẽ do Bên thua kiện chịu.

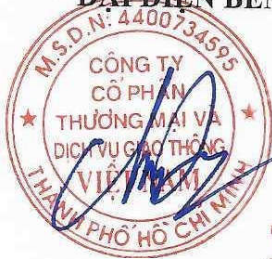
**14.2. Sửa đổi Hợp Đồng**

Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp Đồng này phải được Các Bên thỏa thuận và xác lập bằng văn bản. Văn bản về việc sửa đổi và/hoặc bổ sung Hợp Đồng là một phần không tách rời của Hợp Đồng.

**14.3. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.**

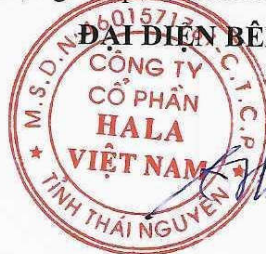
Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp lệ của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu Hợp Đồng.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Tổng Giám Đốc**  
*Nguyễn Quang Dũng*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Bùi Xuân Hải*



**HỒ SƠ NĂNG LỰC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC Ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)**

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Hala Việt Nam

[02] Mã số thuế: 4601571781

[03] Địa chỉ: Lô CN03, Cụm Công nghiệp số 3,  
Phường Thuận Thành

[04] Quận/Huyện: Thành phố  
Phổ Yên

[05] Tỉnh/Thành phố: Thái  
Nguyên

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>10.558.704.418</b>	<b>2.614.021.226</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)</b>	<b>110</b>		<b>3.811.764.465</b>	<b>313.503.672</b>
1. Tiền	111		3.811.764.465	313.503.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)</b>	<b>130</b>		<b>5.045.174.776</b>	<b>599.494.317</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		4.591.480.700	552.824.618
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		449.024.377	42.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	4.669.699
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.669.699	0
<b>IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)</b>	<b>140</b>		<b>446.626.268</b>	<b>246.839.034</b>
1. Hàng tồn kho	141		446.626.268	246.839.034
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)</b>	<b>150</b>		<b>1.255.138.909</b>	<b>1.454.184.203</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		109.207.419	161.110.329
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.145.931.490	1.293.073.874
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>11.329.828.095</b>	<b>12.285.312.747</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219)</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định ( 220 = 221 + 224 + 227)</b>	<b>220</b>		<b>11.329.828.095</b>	<b>12.285.312.747</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)</b>	<b>221</b>		<b>9.385.183.554</b>	<b>10.273.096.794</b>
- Nguyên giá	222		11.189.207.934	11.189.207.934
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.804.024.380)	(916.111.140)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)</b>	<b>224</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)</b>	<b>227</b>		<b>1.944.644.541</b>	<b>2.012.215.953</b>
- Nguyên giá	228		2.126.754.000	2.126.754.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(182.109.459)	(114.538.047)
<b>III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
<b>IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ...+ 255)</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>21.888.532.513</b>	<b>14.899.333.973</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>10.507.668.537</b>	<b>4.686.264.777</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)</b>	<b>310</b>		<b>10.507.668.537</b>	<b>4.686.264.777</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		517.455.660	346.690.567
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		0	0
4. Phải trả người lao động	314		80.212.877	29.574.210
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		9.910.000.000	4.310.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>11.380.863.976</b>	<b>10.213.069.196</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)</b>	<b>410</b>		<b>11.380.863.976</b>	<b>10.213.069.196</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)</b>	<b>411</b>		<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		(619.136.024)	(1.786.930.804)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.786.930.804)	(712.697.905)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.167.794.780	(1.074.232.899)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>21.888.532.513</b>	<b>14.899.333.973</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2024  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Xuân Hải

**Số chứng chỉ hành nghề:**

**Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:**

**Ghi chú:**

- Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.
- Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM.**

**PHỤ LỤC**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số: **B 02**  
– DN  
(Ban hành  
theo Thông  
tư số  
200/2014/TT-  
BTC Ngày  
22/12/2014  
của Bộ Tài  
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Hala Việt Nam

[03] Mã số thuế: 4601571781

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.642.740.616	3.931.983.543
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>29.642.740.616</b>	<b>3.931.983.543</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		26.849.044.681	3.638.277.742
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.793.695.935</b>	<b>293.705.801</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		912.222	1.614.757
7. Chi phí tài chính	22		0	30.792.969
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.334.684.686	1.338.036.119
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.459.923.471</b>	<b>(1.073.508.530)</b>
11. Thu nhập khác	31		20.004	1.105.452
12. Chi phí khác	32		200.000	1.829.822
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(179.996)</b>	<b>(724.370)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.459.743.475</b>	<b>(1.074.232.900)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		291.948.695	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.167.794.780</b>	<b>(1.074.232.900)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2024  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Xuân Hải

**Số chứng chỉ hành nghề:**

**Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:**

(\*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần

**Ghi chú:** Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM.**

**PHỤ LỤC**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp) (\*)

Mẫu số: **B 03**  
– **DN**  
(Ban hành  
theo Thông  
tư số  
200/2014/TT-  
BTC ngày  
22/12/2014  
của Bộ Tài  
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Hala Việt Nam

[03] Mã số thuế: 4601571781

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.635.613.691	3.495.662.739
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(31.227.640.074)	(9.240.635.939)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(404.000.561)	(822.427.946)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	(30.792.969)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		49.808.020	1.375.878.796
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(155.520.283)	(194.985.311)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.101.739.207)</b>	<b>(5.417.300.630)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.600.000.000	7.860.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(3.550.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>5.600.000.000</b>	<b>4.310.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.498.260.793</b>	<b>(1.107.300.630)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>313.503.672</b>	<b>1.420.804.301</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>3.811.764.465</b>	<b>313.503.671</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2024  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Xuân Hải

**Số chứng chỉ hành nghề:**

**Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:**

**Ghi chú:** Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN HALA VIỆT NAM.**